

## VĂN HÓA - LỊCH SỬ

# TỔNG THUẬT 100 NĂM NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM

Trần Trọng Dương\*

Địa lý học lịch sử Việt Nam, kể từ các ghi chép địa dư truyền thống thời trung đại, qua thời Pháp thuộc đến nay, đã đi qua nhiều chặng đường khác nhau, với nhiều ngã rẽ khác nhau. Nhìn lại hơn 100 năm qua, một số vấn đề về mặt lý thuyết, về phương pháp luận đã có những thành tựu đáng kể. Trong khi đó, ngành địa lý học lịch sử trên thế giới cũng đã đạt được nhiều thành tựu phát triển vượt bậc, với những mô hình lý thuyết mới, với những đột phá của khoa học kỹ thuật cũng như khoa học xã hội và nhân văn. Bài giới thiệu này sẽ trình bày những sở kiến sở đọc của người viết về chuyên ngành rộng lớn mà thâm sâu này. Bài viết gồm các phần: (1). Địa lý học lịch sử và các ngành khoa học tương liên: (1.1). Địa lý học lịch sử và sử học, (1.2). Địa lý học lịch sử và địa lý học nhân văn, (1.3). Địa lý học lịch sử và sinh thái học nhân văn, (1.4). Địa lý học lịch sử và địa danh học lịch sử; (2). Nghiên cứu địa lý học lịch sử ở Việt Nam: (2.1). Lược quan về các sử liệu truyền thống cho nghiên cứu địa lý học lịch sử, (2.2). Địa lý học chính trị, (2.3). Địa lý học văn hóa, (2.4). Địa lý học kinh tế, (2.5). Địa lý học khu vực.

## 1. Địa lý học lịch sử và các ngành khoa học tương liên

### 1.1. Địa lý học lịch sử và sử học

Địa lý học lịch sử (historical geography) là một thực thể lai ghép (hybrid) của hai ngành khoa học: địa lý học và sử học. Các nhà địa lý học trước nay vẫn cho rằng, địa lý học lịch sử là ngành khoa học nghiên cứu về mọi hiện tượng địa lý đã từng diễn ra trong quá khứ, và những thay đổi địa lý trong suốt chiều dài lịch sử,<sup>(1)</sup> là một trong năm phân môn của địa lý học nhân văn (human geography). Nhiệm vụ của nó là để kết nối địa lý hiện tại với quá khứ và khảo sát các ảnh hưởng của quá khứ trong việc định dạng các tình trạng địa lý ở các thời điểm khác nhau trong lịch sử.<sup>(2)</sup> Trong khi đó, các nhà sử học cho rằng, “địa lý học lịch sử là một môn học bổ trợ của sử học... Mong do đó mà hiểu thêm được về phương diện địa lý những sự kiện lịch sử quan trọng...”<sup>(3)</sup> Có thể nói như sử gia H. B. Geogre, “lịch sử chẳng thể hiểu được nếu không có địa lý” (*history is not intelligible without geography*).<sup>(4)</sup> Và một cách lịch lãm, nhà địa lý học Alan R. H. Baker hồi đáp lại H. B. Geogre rằng: “địa lý cũng chẳng thể hiểu được nếu không có lịch sử” (*geography is not intelligible without history*).<sup>(5)</sup>

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

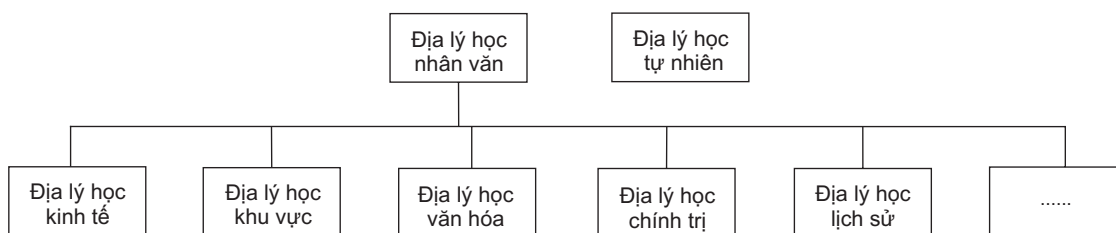
Nếu như sử học là một khoa học nghiên cứu về mọi thực thể mọi sự kiện đã từng xảy ra trong quá khứ trên cả hai bình diện không gian và thời gian (cả đồng đại và lịch đại); thì địa lý học lịch sử lấy không gian địa lý làm đối tượng chính yếu để phóng chiếu về hoạt động của con người trong dòng thời gian. Địa lý học lịch sử đối lập với địa lý học ở chiều kích thời gian, một cái nghiên cứu về các hiện tượng địa lý có thể đã từng diễn ra thông qua các dấu vết vật chất tự nhiên và các nguồn sử liệu nhân vi (gồm cả sử liệu văn vật và sử liệu văn hiến);<sup>(6)</sup> còn địa lý học quan tâm đến các đối tượng địa lý ở thời điểm đương đại như những chứng cứ còn lại từ quá khứ. Địa lý học lịch sử chiếm một vai trò quan yếu trong nhận thức lịch sử vì nó cho phép con người phân biệt các sự kiện lịch sử, các dạng thức văn hóa, các hệ hình văn minh khác nhau trong những không gian địa lý khác nhau. Ngược lại, sử học là một phương thức đặc thù để con người từ các không gian địa lý khác nhau soi sáng về quá khứ của mình trong mối quan hệ với quá khứ của những tộc người khác, cộng đồng khác ở những vùng địa lý khác. Sử học và địa lý học lịch sử là hai kiểu nhận thức khác nhau về thế giới và về con người, giống như hai con mắt với hai điểm nhìn khác nhau, nhằm cùng tạo nên một hình ảnh thế giới trong não bộ. Nhà sử học quan tâm đến con người trong dòng lịch sử, còn nhà địa lý học lịch sử chú ý đến các không gian trong dòng lịch sử - nơi con người sinh trú và tương tác với tự nhiên và xã hội. Thế nhưng, cả nhà sử học lẫn nhà địa lý học lịch sử lại luôn không ngừng mở rộng các chủ đề nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu cụ thể. Từ mối quan tâm chính yếu như biên giới chính trị, địa danh hành chính, địa lý quốc gia, họ còn mở rộng mối quan tâm đến các dạng thức hoạt động của con người, các hiện tượng của thế giới tự nhiên, như bệnh dịch, tội phạm, khai khoáng, âm nhạc, môi trường, hệ sinh thái, biến đổi khí hậu... Có thể nói, “*Bất kỳ hiện tượng địa lý nào trong lịch sử đều là địa lý học lịch sử, dù là các hiện tượng có tính vùng miền, tính cục bộ, tính văn hóa, tính tự nhiên*”.<sup>(7)</sup>

Địa lý học lịch sử, như vậy, vừa là một khoa học độc lập, vừa có tính liên ngành rất cao, nó vừa quan tâm đến lịch sử địa lý tự nhiên, lịch sử khu vực, lịch sử quốc gia, lịch sử vùng miền, vừa quan tâm đến lịch sử con người. Nó kết hợp cả hai phạm trù thời gian - không gian với đời sống xã hội.<sup>(8)</sup> Địa lý học lịch sử tìm kiếm những phương thức mà con người chung sống với tự nhiên, khai phá tự nhiên, cải tạo tự nhiên, và đặt định tự nhiên trong nhận thức, hệ thống kỹ thuật, và nền tảng văn minh. Như thế, ngành này nghiên cứu không gian địa lý trong nhận thức của các cộng đồng người, và nghiên cứu con người trong mối tương quan với tự nhiên. Nó nghiên cứu các lát cắt địa lý trong dòng lịch sử, sự biến thiên và sự bất biến của những lát cắt ấy qua thời gian. Nó tái lập những tình trạng địa lý tự nhiên, các ranh giới vùng miền, phục dựng các biên giới lãnh thổ, tái thiết các vùng địa lý - văn hóa, các lãnh thổ của các tộc người. Những kết quả của nghiên cứu địa lý học lịch

sử là ánh xạ của mối tương tác đa chiều giữa con người với xã hội và với tự nhiên. Nó là kết quả của những nỗ lực nhận thức để “lội ngược dòng quá khứ” của con người ở các phương diện lịch sử quốc gia, lịch sử dân tộc, lịch sử văn minh, lịch sử văn hóa,... Nó cho phép các quốc gia đương đại, các dân tộc hiện tồn đặt định mình trong không - thời gian để khẳng định sự tồn tại chính đáng của mình ở thời điểm hiện tại. Địa lý học lịch sử không phải là sự kết hợp máy móc giữa địa lý học và sử chí học (historiography), mà là một khoa học địa lý về quá khứ.<sup>(9)</sup> Cuối cùng, địa lý học lịch sử quan tâm đến các hiện tượng địa lý trong quá khứ và những ảnh hưởng của quá khứ đối với việc định dạng địa lý hiện tại và tương lai.<sup>(10)</sup>

### 1.2. Địa lý học lịch sử và địa lý học nhân văn

Như trên đã giới thuyết, địa lý học lịch sử là một phân ngành của địa lý học nhân văn (human geography)<sup>(11)</sup> cùng với các phân môn khác là địa lý học kinh tế (economic geography), địa lý học xã hội (social geography), địa lý học văn hóa (cultural geography), và địa lý học chính trị (political geography) [xem biểu đồ dưới]. Trong khi bốn chuyên ngành sau quan tâm chủ yếu đến các bình diện địa lý - nhân văn của thời điểm hiện tại (chủ yếu từ hiện đại đến đương đại),<sup>(12)</sup> thì địa lý học lịch sử quan tâm đến việc phóng chiếu các bình diện trên về quá khứ.

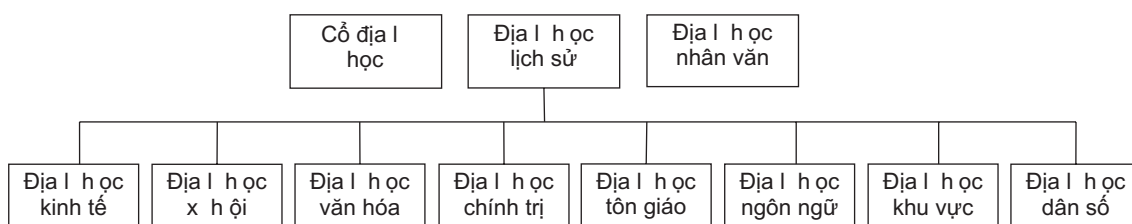


Hình 1: Các phân ngành của địa lý học nhân văn.

Địa lý học lịch sử, tuy là một tập con của địa lý học nhân văn theo cách phân loại của giới học giả từ 1945 đến nay,<sup>(13)</sup> song thực ra lại chính là các nghiên cứu về địa lý học nhân văn trong lịch sử. Địa lý học lịch sử quan tâm đến mọi chiều kích của địa lý và con người - những yếu tố, các xu hướng có thể đã từng diễn ra trong lịch sử, góp phần tạo nên diện mạo của địa lý - và con người hiện tại. Địa lý học lịch sử, như thế, có thể nói chính là “anh em song sinh” với địa lý học nhân văn. Địa lý học lịch sử chính là địa lý học nhân văn được “chia ở thời quá khứ”; còn địa lý học nhân văn lại là địa lý học lịch sử được “chia ở thời hiện tại hoàn thành tiếp diễn”.

Thế nhưng, khi lùi sâu vào quá khứ, chúng ta nhiều khi không thể nào vạch được những đường biên giới hành chính rõ nét và lý tính như ta mong muốn, bởi những tư tưởng về quốc gia và dân tộc là những sản phẩm mới được hình thành hơn trăm năm nay, bởi cái “địa - thể” (geo-body)<sup>(14)</sup> quốc gia cũng chỉ là một sản phẩm hình dung muộn màng – nhưng dưới sự dẫn dắt của chủ nghĩa dân tộc

(nationalism) đã đang thâm đắm trong đời sống xã hội và tạo nên hàng tỷ đầu óc con người.<sup>(15)</sup> Vì thế, các nhà nghiên cứu lịch sử đôi khi còn phải tìm hiểu cả vấn đề tư tưởng triết học – đặc biệt là triết lý tôn giáo quan niệm về địa lý – cái mà chúng ta vẫn thường gọi là “thế giới quan/ hay vũ trụ quan”, mà mỗi tôn giáo đều tự xây dựng cho riêng mình những cấu trúc tư tưởng riêng để hình dung về thế giới và sống chung với thế giới tự nhiên. Các hệ tư tưởng, các thế giới quan tách biệt/ đôi khi vay mượn hỗn nhập này là những yếu tố đã phủ bóng lên lịch sử loài người trong mấy ngàn năm; và quan trọng nhất nó đã xác lập các quy tắc hành xử, các hệ thống quản lý xã hội, các phương thức để con người đối xử, tương tác với thế giới tự nhiên, thậm chí chinh phục tự nhiên. Chính vì thế, cần phải kể đến một chuyên ngành nữa để nghiên cứu về lĩnh vực này, đó là địa lý học tôn giáo (religious geography). Một nghiên cứu tiêu biểu kết hợp được tất cả các chiều kích lịch sử - văn hóa - chính trị - tôn giáo đáng được nhắc đến ở đây là chuyên luận năm 1901 của George Adam Smith “Địa lý học lịch sử của Holy Land – đặt định trong mối quan hệ với lịch sử Israel và lịch sử Nhà thờ sơ kỳ”.<sup>(16)</sup> Một ví dụ khác thuộc lịch sử Việt Nam là, trong khi thế giới quan Phật giáo hạn định các quy pháp tạo hình của nghệ thuật kiến trúc, nghệ thuật điêu khắc, nghệ thuật kiến trúc cảnh quan (chiếm lĩnh không gian địa lý và tái tạo cảnh quan),<sup>(17)</sup> thì tư tưởng về “lãnh thổ đế vương” cùng tư tưởng giáo hóa (văn hiến/ văn minh) của Nho giáo đã trở thành diễn ngôn bao trùm các xu hướng vận động của cấu trúc thượng tầng và đời sống xã hội. Xét ở một khía cạnh nào đó, Nho giáo và tư tưởng “vương thổ” đã trở thành một động năng quan trọng nhất để người Việt - từ chủ thể địa lý chính yếu ở lưu vực Sông Hồng, dần trở thành lực lượng chính trị - văn hóa mạnh nhất, có đủ sức nhất thống các vùng miền địa lý từ trên cao, dọc theo duyên hải mà tiến về phương Nam. Địa lý học tôn giáo là một mảnh đất đầy hứa hẹn cho các nghiên cứu liên ngành và đa ngành. Như thế, địa lý học lịch sử, trong mối tương quan với địa lý học nhân văn và cổ địa lý học, có một số chuyên ngành như sau:<sup>(18)</sup>



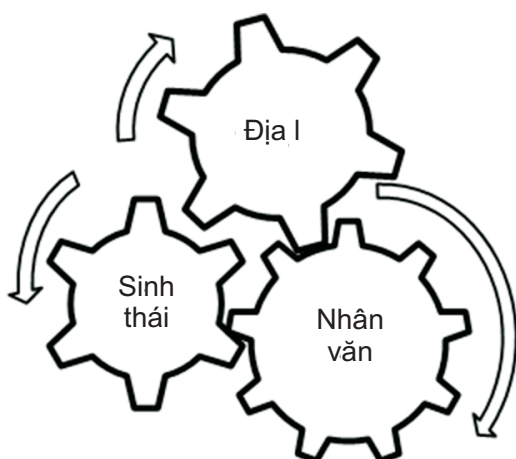
Hình 2: Các chuyên ngành của địa lý học lịch sử.

Trên chiều kích thời gian, nếu như địa lý học lịch sử nghiên cứu về mọi hiện tượng lịch sử con người trong mối quan hệ với tự nhiên trong lịch sử, phân biệt với địa lý học nhân văn – nghiên cứu về mọi hiện tượng địa lý trong xã hội hiện đại – đương đại, thì cổ địa lý học (palaeogeography, với tư cách là một phân môn của địa lý học tự nhiên - physical geography) sử dụng các phương pháp, kỹ thuật của khoa

học tự nhiên để nghiên cứu về lịch sử bề mặt Trái đất, sự di chuyển của các lục địa (thuyết kiến tạo mảng), sự biến đổi “tang hải” của các dãy núi cả trên đất liền lẫn dưới đáy đại dương, nghiên cứu mực nước biển, tái lập các bản đồ cổ địa lý của Trái đất trong mối tương quan mật thiết với các ngành cổ từ học (paleomagnetism), cổ khí hậu học (paleoclimatology), lịch sử địa chất (geologic history), lịch sử kiến tạo địa chất (tectonic history)<sup>(19)</sup> và nhiều ngành khác.

Địa lý học lịch sử cũng có thể tiếp thu các phương pháp, các kết quả của cổ địa lý học, khảo cổ học tiền sử, khảo cổ học lịch sử, sinh thái học lịch sử để phục vụ cho công tác nghiên cứu của mình. Sự biến đổi khí hậu, biến đổi môi trường, quá trình biển tiến biển lùi, quá trình sa mạc hóa, quá trình bồi đắp hình thành các đồng bằng trong quãng ba bốn ngàn năm trở lại đây là những vấn đề không thể nào không chú ý đến khi nghiên cứu về lịch sử. Lịch sử loài người dĩ nhiên là ngắn hơn lịch sử Trái đất, nhưng kể từ khi xuất hiện thì con người luôn đồng hành với lịch sử Trái đất; đó là mối quan hệ cộng sinh, và tương hỗ đa chiều. Địa lý học lịch sử lấy mối quan hệ đa chiều ấy làm đối tượng nghiên cứu chính yếu.

### 1.3. Địa lý học lịch sử và sinh thái học nhân văn



Hình 3: Sơ đồ về mối quan hệ giữa Địa lý, Sinh thái và Nhân văn thể hiện sự khăng khít giữa con người và tự nhiên.

*Sinh thái học nhân văn* (human ecology) là bộ môn khoa học thể hiện mối quan hệ hữu cơ, biện chứng về mối quan hệ giữa xã hội và văn hóa với môi trường tự nhiên; cũng giống như *địa lý học nhân văn*, ngành này bao gồm các bộ môn sinh thái học văn hóa (cultural ecology), sinh thái học chính trị (political ecology)...<sup>(20)</sup> Bộ ba *địa lý - sinh thái - nhân văn* tạo nên thể chân kiềng thể hiện mối quan hệ khăng khít giữa con người với tự nhiên (xem hình 3). Không có yếu tố nhân văn nào lại có thể tách rời địa lý và sinh thái, và ngược lại địa lý - sinh thái quy định các dạng thức

con người quan hệ với tự nhiên. Sự đa dạng về địa lý và sinh thái làm nên sự đa dạng về loại hình văn hóa - văn minh, các mô hình xã hội, các phương thức sinh kế. Một nghiên cứu về địa lý nhân văn không bao giờ có thể rách rời hoàn toàn khỏi sinh thái học nhân văn, cũng vậy, một nghiên cứu về địa lý học lịch sử cũng chẳng thể nào “bỏ ngoài tai” những gì mà địa lý và sinh thái chi phối đến toàn bộ đời sống và lịch sử con người. Xét ở khía cạnh sinh vật, con người cũng chỉ là một thành tố của hệ sinh thái (ecosystem), bắt buộc phải cân bằng, thích nghi cho phù hợp với hệ sinh



thái bằng những hình thái sản xuất, các mô hình kinh tế, các phương thức ứng xử vật chất. Con người giữ vai trò “hai trong một” vừa là yếu tố cấu thành của *hệ sinh thái tự nhiên*, lại vừa là yếu tố chủ đạo của *hệ sinh thái nhân văn* (human ecosystem).<sup>(21)</sup> Lịch sử loài người, nếu có thể, là những trang viết kết hợp từ hai điểm nhìn địa lý học lịch sử và sinh thái học lịch sử (historical ecology).<sup>(22)</sup>

#### 1.4. Địa lý học lịch sử và địa danh học lịch sử

Một nghiên cứu *địa lý học lịch sử* đồng thời thực hiện cả các thao tác của *địa danh học lịch sử* (historical toponymy). Mặc dù, địa danh học lịch sử là một chuyên ngành của ngôn ngữ học lịch sử (historical linguistics). Địa danh học lịch sử quan tâm nghiên cứu mọi hiện tượng diên cách (biến đổi và không biến đổi) của các ngôn ngữ, các loại hình chữ viết và các dạng tư liệu truyền khẩu được sử dụng để ghi chép các địa danh tự nhiên, địa danh hành chính, địa danh văn hóa, địa danh lịch sử. Các đối tượng cụ thể của địa danh học lịch sử xuất hiện trên nhiều loại hình tư liệu khác nhau, từ chính sử, tư sử, bản đồ hành chính, bản đồ giao thông (lộ trình và hải trình), cho đến các văn bản bi ký, gia phả, thần phả, địa bạ, công văn hành chính, ca dao hò vè, văn hóa dân gian. Nhiệm vụ của địa danh học lịch sử là “bóc lớp lịch sử”, xác định niên đại cho các địa danh, xác định độ dài thời gian sử dụng của địa danh, sự thay đổi tên gọi địa danh qua các thời kỳ lịch sử, hiện tượng trùng danh ngẫu nhiên và trùng danh mô phỏng (trong quá trình di dân, sao phỏng mô hình chính trị, di thực văn hóa), việc quy đổi các địa danh quá khứ tương ứng với địa danh và vị trí hiện tại, cũng như cả quá trình tái tạo truyền thống lịch sử qua các trường hợp đồng địa danh và tái tạo địa danh. Có khi, một tranh luận về địa danh học lịch sử có thể tạo nên những nhận thức đa chiều/ khác biệt về lịch sử, ví dụ vấn đề Đường Lâm - đất hai vua ở Thanh Hóa hay Sơn Tây chẳng hạn.<sup>(23)</sup> *Địa danh học lịch sử* còn quan tâm đến các cách gọi của các chủ thể khác nhau đối với từng đối tượng địa danh.<sup>(24)</sup> Địa danh học nói chung quan tâm đến mọi hiện tượng, thực thể địa danh hiện tồn, với các cách phân loại địa danh, các nguyên tắc và phương pháp khảo sát địa danh, cấu trúc từ pháp của địa danh, các nguyên lý phổ quát của địa danh, các quy cách chính tả của địa danh, từ nguyên của từng yếu tố địa danh, các nhóm địa danh theo ngôn ngữ dân tộc (địa danh tiếng Khmer, tiếng Chăm, tiếng Thái, tiếng Tày, tiếng Mường,...),<sup>(25)</sup> quá trình Việt hóa cũng như Hán hóa các địa danh, văn hóa địa danh,... Trong khi đó địa danh học lịch sử nghiên cứu tất cả các hiện tượng địa danh đã từng tồn tại trong lịch sử (mà có thể hiện nay không còn mấy ai biết đến) với những nguyên lý và thao tác phổ quát của địa danh học. Địa danh học lịch sử là một cách đi cùng chiều với địa lý học lịch sử. *Địa danh học* từ hiện tại để soi chiếu về quá khứ; còn *địa danh học lịch sử* từ quá khứ để soi chiếu lại hiện tại. Hay nói một cách dễ hiểu, địa danh học lịch sử là hoa tiêu, là chỉ dấu của các nghiên cứu sử học và địa lý học lịch sử.

## 2. Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam

### 2.1. Lược quan về các sử liệu truyền thống cho nghiên cứu địa lý học lịch sử

Hoạt động nghiên cứu địa lý học lịch sử ở Việt Nam vốn có một truyền thống tương đối lâu dài dưới sự ảnh hưởng của các ghi chép lịch sử Nho giáo phục vụ các triều đại. Các sử gia Nho giáo, dưới sự điều hướng của quyền lực chính trị, thường đặt định các sự kiện lịch sử, các triều đại, các cuộc chiến tranh trong khuôn khổ địa lý được kiểm soát, tranh chấp giữa các thế lực chính trị. Địa lý học được đặt trong truyền thống sử Nho gia đề cao vương quyền, đề cao sở hữu tối thượng của hoàng đế: “khắp dưới gầm trời, không đâu không là đất của nhà vua, khắp mọi bên bờ, không ai không phải là dân tôi” (普天之下莫非王土率土之濱莫非王臣).<sup>(26)</sup> Chính vì thế các khái niệm như “địa dư”, “khu vỹ” được kết hợp với các khái niệm “tinh dã”, “phận dã” của thiên văn học truyền thống Đông Á. Các khái niệm này đã được coi trọng trước nhất trong các ghi chép của chính sử cũng như tư sử. Sự sở hữu tuyệt đối về đất đai được đặt trên nền tảng đạo đức và quá trình tu dưỡng đạo đức của đấng thiên tử, dưới sự “bảo hộ truyền thống” của các Tiên thánh - Tiên hiền từ thời Đường Ngu Nghiêu Thuấn, dưới sự che chở của phúc âm tổ tiên (Tiên vương), và được xác nhận như một nguyên lý tiên thiên trong “thiên thư” (celestial scripting),<sup>(27)</sup> bất khả tư nghi. Nói như John Whitmore, các ghi chép địa lý và truyền thống bản đồ học Việt Nam “*đã diễn ra nhờ những nỗ lực của chính quyền để kiểm soát tập trung và mở rộng quyền lực trên khắp đất nước. Việc vẽ bản đồ đã được kết nối tới hệ thống hành chính quan liêu, và các bộ atlas địa lý có ý nghĩa muốn trình diễn sự định vị của các quyền lực khác nhau đối với các vùng miền của đất nước... Các bộ atlas này được sử dụng như là công cụ chính trị cho những nỗ lực của triều đình nhằm quản lý hệ thống làng xã... ”*<sup>(28)</sup> Các ghi chép địa lý, ghi chép lịch sử cùng việc đo vẽ bản đồ ở Việt Nam thời trung đại hiển nhiên là một kiểu thực hành chính trị Nho gia.<sup>(29)</sup>

Các hoạt động ghi chép địa lý trong mối tương quan với hoạt động chính trị - xã hội của con người đã có một bề dày lịch sử gần ngàn năm với số lượng sử liệu đồ sộ (dù đã thất tán nghìn chãng còn một). Những tư liệu này đã được Đào Duy Anh liệt kê tương đối chi tiết trong lời mở đầu cuốn “Đất nước Việt Nam qua các đời”<sup>(30)</sup> nên ở đây không nhắc lại nữa. Song các hoạt động ghi chép địa lý thời phong kiến còn phải kể đến các sử ký của tăng đạo Phật giáo,<sup>(31)</sup> các ghi chép địa lý thuộc phạm vi thực hành tôn giáo của các thầy phù thủy Đạo giáo.<sup>(32)</sup> Và đặc biệt là các ghi chép, nghiên cứu, bản đồ, du ký của các giáo sĩ truyền giáo của Thiên Chúa giáo, các nhà thám hiểm và sĩ quan phương Tây.<sup>(33)</sup> Tất cả các nguồn tư liệu trên tạo nên một mạng lưới sử liệu đa chiều cho phép triển khai các nghiên cứu về địa lý học lịch sử Việt Nam.

## 2.2. Địa lý học chính trị

Địa lý học chính trị (political geography) với tư cách là một tiểu ngành của địa lý nhân văn và địa lý học lịch sử. Tiểu ngành này nghiên cứu các phương thức chiếm hữu không gian địa lý để kiến tạo nên các đơn vị địa lý hành chính của các lực lượng chính trị<sup>(34)</sup>. Như trên đã giới thuyết, các ghi chép về địa lý ở Việt Nam phần lớn được thực hiện bởi các triều đại dưới sự điều hướng của tư tưởng “vương thổ” (đất đai của nhà vua) và tư tưởng “tổ quốc” (đất nước của tổ tiên của dòng họ). Ở phương diện nào đó, có thể coi đó là những manh nha của nghiên cứu địa lý học lịch sử. Nhưng ngành này ở Việt Nam thực sự mới được hình thành bởi giới học giả Pháp từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Có thể kể đến Trương Vĩnh Ký với công trình “Cours de géographie générale de l’Indochine” (Bài giảng địa lý tổng quát Đông Dương) gồm sáu chương về địa lý Đông Dương, gồm: 1. La Cochinchine - Française, 2. L’Annam central, 3. Le Tonkin, 4. Le Cambodge, 5. Le Siam, 6. La Birmanie. Đó là một cách phân vùng địa lý theo biên giới lãnh thổ chính trị dưới quyền lực của thực dân Pháp. Năm 1910, Hoàng Cao Khải xuất bản cuốn “Gương sử Nam” (*Việt sử kính*). Đây là một nghiên cứu về quyền lực chính trị của người Việt trong quá trình giảng co lãnh thổ với các lực lượng người Pháp nước Lang Sa (thiên thứ nhất), với người Trung Quốc qua các triều đại phong kiến (thiên thứ hai) và với người Champa nước Siêm Thành/ Chiêm Thành, người Khmer nước Chân Lạp (thiên thứ ba).<sup>(35)</sup> Tuy không hẳn là một nghiên cứu về địa lý học lịch sử, song đây là một cuốn sách quan trọng cho phép tìm hiểu về tư tưởng chính trị và nhận thức địa lý học chính trị của một chính trị gia thời bấy giờ.

Sau đó là bài “Etudes d’histoire d’Annam” (1918) của Henri Maspéro nghiên cứu về lịch sử An Nam, nhưng thực chất là một nghiên cứu sơ khởi về địa lý học chính trị Việt Nam từ nhà nước Văn Lang đến thế kỷ XIV với sự tồn tại của nhà nước Đại Việt (tác giả gọi là Annam) và Cambodge.<sup>(36)</sup> Trước đó, năm 1910, ông công bố bài “Le protectorat général d’Annam sous les Tang” (An Nam đô hộ phủ thời Đường),<sup>(37)</sup> bài “La Géographie politique de L’Annam sous les Lý, les Trần et les Hồ” (Địa lý học chính trị ở An Nam các đời Lý - Trần - Hồ, *BEFEO* XVI). Leonard Arousseau trong bài “La première conquête Chinoise des pays Annamites”<sup>(38)</sup> đã nghiên cứu về những cuộc đô hộ của người Trung Quốc trên đất An Nam vào thiên niên kỷ thứ nhất. Đây là những nghiên cứu quan trọng làm tiền đề cho các nghiên cứu về địa lý học chính trị trong suốt thế kỷ XX.

Năm 1964, cuốn “Đất nước Việt Nam qua các đời” của Đào Duy Anh ra đời, đánh dấu mốc quan trọng cho nghiên cứu địa lý học chính trị, địa lý học lịch sử ở Việt Nam. Chuyên luận gồm 15 chương khảo về diên cách địa lý hành chính của các quốc gia cổ của người Việt từ Văn Lang, Âu Lạc, qua các triều đại Hán - Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc triều - Tùy - Đường, đến các triều đại tự chủ Đinh



- Tiền Lê - Lý - Trần - Hồ - Lê và Nguyễn. Như tác giả tự giới thuyết, cuốn sách nghiên cứu “phần địa lý hành chính để nhận định cương vực của nhà nước và vị trí các khu vực hành chính trải qua các đời, rồi đến quá trình mở mang lãnh thổ và quá trình ổn định biên giới.”<sup>(39)</sup> Chuyên luận đồng thời cũng nghiên cứu địa lý học chính trị qua các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm như chiến tranh chống Tống thời Lê Hoàn, chiến thắng trước quân Thanh của Quang Trung, hoặc một số địa danh địa lý quan trọng cần thảo luận như sông Bạch Đằng, thành Thăng Long, quần đảo Hoàng Sa, đảo Côn Lôn, và lịch sử đường thủy bộ Việt Nam qua các đời. Về lý thuyết và thao tác luận, hiển nhiên tác giả đã sử dụng và kế thừa các thành tựu của địa lý học nhân văn của Pháp. Một cách tinh tế, ông trích dẫn quan niệm của các học giả của Liên Xô trong *Đại bách khoa toàn thư Xô Viết*. “Đất nước Việt Nam qua các đời” có thể nói là công trình kết hợp “ba trong một”, vừa tiếp nối truyền thống sử học - địa lý học bản địa, vừa áp dụng và kế thừa phương pháp luận của giới nghiên cứu thời Viễn Đông bác cổ Pháp, lại vừa thống thuộc lý thuyết của giới khoa học Xô Viết. Ấy là chưa kể đến những ảnh hưởng trực tiếp từ giới nghiên cứu Trung Quốc, mà ông không hiển ngôn, nhưng cũng đã từng xuất hiện đây đó trong “Việt Nam văn hóa sử cương”. Những vấn đề về giai cấp, về nhân dân, về dân tộc, về quốc gia đã được tác giả khéo léo dẫn dụng để tạo thành một công trình hệ thống đề cập đến nhiều “khía cạnh địa lý của đại bộ phận những sự kiện của lịch sử dân tộc”.

Sự kiện Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974 đã khiến cho cục diện chính trị tại Biển Đông thay đổi đột ngột. Kể từ sau đó, các nghiên cứu địa lý học chính trị và lịch sử chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa - Trường Sa trở nên bức thiết. Hàng loạt bài viết của các học giả được in trên chuyên đề “Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa” của tập san *Sử địa* (1975). Cho đến sau sự kiện HY981 năm 2014, hàng chục chuyên luận, cả ngàn bài nghiên cứu từ phía các học giả Việt Nam đã xuất bản trên các tạp chí trong và ngoài nước, trong đó phải kể đến Nguyễn Đình Đầu (2014), Phạm Hoàng Quân (2014), Trần Đức Anh Sơn (2014), Nguyễn Quang Ngọc (2017),... và các xuất bản phẩm của các cơ quan tổ chức như Bộ Ngoại giao, Đại học Quốc gia, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Nghiên cứu Biển Đông... Nghiên cứu về địa lý học chính trị ở Hoàng Sa Trường Sa, đã có bài lược thuật riêng, nên chúng tôi không nhắc lại ở đây. Về cơ bản, các học giả sử dụng kết hợp năm nguồn sử liệu để nghiên cứu về địa lý học chính trị của hai quần đảo này, gồm: (1) Nguồn sử liệu và bản đồ Hán Nôm của Việt Nam;<sup>(40)</sup> (2) Nguồn sử liệu bản đồ và Hán văn của Trung Quốc;<sup>(41)</sup> (3) Nguồn sử liệu bản đồ và các tư liệu văn bản tiếng Latin (Pháp, Anh, Bồ, Hà Lan,...);<sup>(42)</sup> (4) Nguồn sử liệu điền dã địa phương (tín ngưỡng, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, văn hóa dòng họ, văn học dân gian,...); (5) Nguồn sử liệu văn vật (khảo cổ).<sup>(43)</sup>

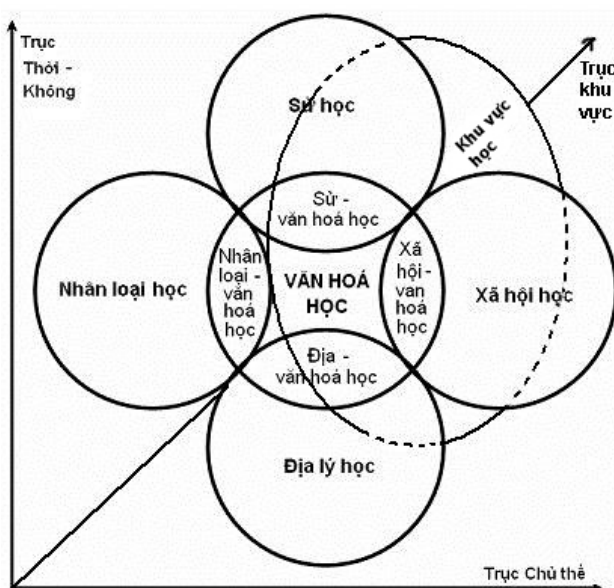
Nghiên cứu địa lý học chính trị còn phải kể đến các công trình về đường biên giới đất liền. Cuốn “Les frontières du Vietnam: Histoire des frontières de la Péninsule Indochinoise”<sup>(44)</sup> do Alain Forest chủ biên, đây là cuốn sách tập hợp nhiều nghiên cứu chuyên sâu trên cơ sở khai thác các nguồn sử liệu lưu trữ tại Pháp. Cuốn sách đề cập một cách khoa học và hệ thống các đường biên giới trên đất liền và trên biển của Việt Nam. Trong cuốn này phải kể đến các bài viết về biên giới Việt - Trung của Nguyễn Thế Anh.<sup>(45)</sup> Chuyên luận “Quá trình hình thành đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia” (2015) của Lê Trung Dũng<sup>(46)</sup> gồm năm chương, nghiên cứu lịch sử chiếm hữu và quá trình hình thành biên giới từ thời các chúa Nguyễn (tk 16) đến năm 2012. Biên độ rộng của thời gian khảo sát cho thấy cuốn sách là sự kết hợp của nghiên cứu lịch sử, lịch sử ngoại giao, lịch sử chiến tranh với nghiên cứu địa lý học lịch sử. Còn có thể kể ra ở đây hàng loạt nghiên cứu khác về vấn đề này, song ở đây chỉ nêu những điểm nhấn quan trọng để giới thuyết bổ sung cho tình hình nghiên cứu của ngành này hiện nay.

### 2.3. Địa lý học văn hóa

Địa lý học văn hóa cũng là một tiểu ngành quan trọng nữa của địa lý học nhân văn, đồng thời là của địa lý học lịch sử. Trong nhiều năm qua, chúng ta có thể thấy quá trình “văn hóa hóa” (culturalization) mạnh mẽ rất nhiều tiểu ngành của địa lý học,<sup>(47)</sup> ngành học này không đơn thuần co rút trong trạng thái độc lập và tách biệt thuần túy như cái tên của nó (cultural geography). Khi *địa lý học văn hóa* thuộc phạm vi của *địa lý học nhân văn*, nó đồng thời sử dụng rất nhiều phương pháp và lý thuyết của dân tộc học, folklore, ngôn ngữ học và nhân học văn hóa; khi thuộc phạm vi của địa lý học lịch sử, ngành này sử dụng cả các thao tác và lý thuyết của sử học và văn hóa học.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “địa lý học văn hóa” ít được sử dụng, cũng bởi lẽ, đây là một chuyên ngành thuộc địa lý học, chứ không phải thuộc văn hóa học, như quan điểm của của G.F. Carter (1968)<sup>(48)</sup> và W.Norton (2000). Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Khi xem xét văn hóa trong THỜI GIAN, ta sẽ rơi vào mối quan hệ giữa văn hóa học với sử học, khảo cổ học, huyền thoại học... và đứng trước sự hình thành của môn *văn hóa học lịch sử* (hay *sử - văn hóa học*). Khi xem xét văn hóa trong KHÔNG GIAN, ta sẽ rơi vào mối quan hệ giữa văn hóa học với địa lý học, khí tượng học, sinh thái học... và đứng trước sự hình thành của môn *văn hóa học địa lý* (hay *địa - văn hóa học*)”.<sup>(49)</sup>

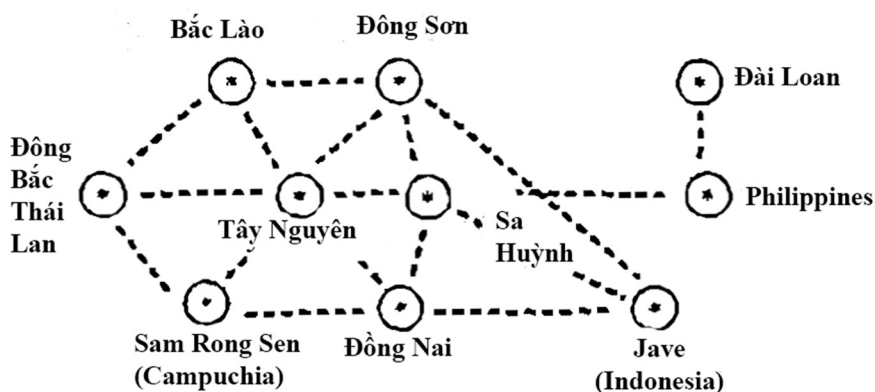
Trần Ngọc Thêm khẳng định rằng không ít người bị nhầm lẫn và đồng nhất *văn hóa học địa lý / địa - văn hóa học* với *địa lý học văn hóa*, tuy nhiên ông không biện luận sâu hơn. Như chúng tôi hiểu, văn hóa học địa lý là một phân môn của văn hóa học, nó nghiên cứu các hiện tượng văn hóa, các nền văn hóa thông qua mối liên hệ



Hình 4: Mối quan hệ giữa văn hóa học và các khoa học khác. Nguồn: Trần Ngọc Thêm, 2008.

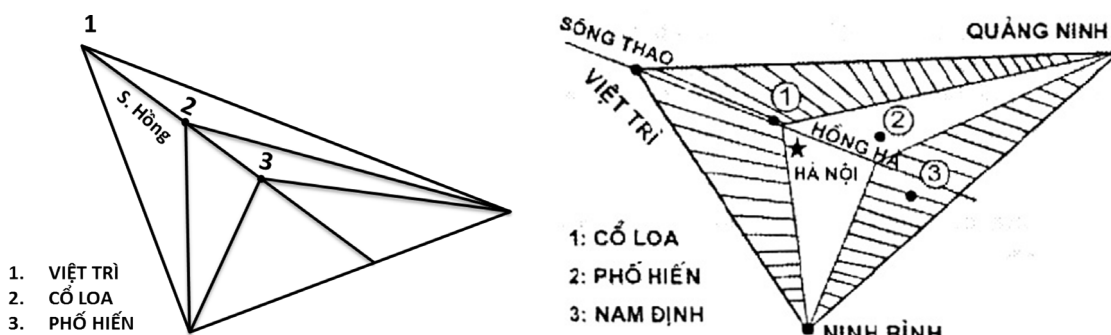
đa chiều với các yếu tố địa lý, sinh thái, môi trường, cảnh quan. Còn địa lý học văn hóa nghiên cứu các yếu tố địa lý trong mối tương quan với các hệ thống văn hóa - xã hội. Thực chất, hai ngành này chỉ là hai hướng tiếp cận đối với cùng một đối tượng. Không có nghiên cứu địa lý học văn hóa nào mà lại không quan hệ với nghiên cứu văn hóa học địa lý. Ở cả hai lĩnh vực này, thì một nhà địa lý học không thể nào không có các tri thức thực tiễn và lý thuyết của văn hóa học; và ngược lại một nhà văn hóa học không thể nào không có chút kiến thức cơ bản nào về địa lý học.

Ở Việt Nam, Trần Quốc Vượng là học giả đã khơi mở và phát triển việc nghiên cứu văn hóa trong cái nhìn từ địa lý - sinh thái, mặc dù ông chỉ diễn đạt một cách giản dị “Việt Nam: cái nhìn địa - văn hóa”.<sup>(50)</sup> Song trong cuốn sách, một cách tinh tế, ông đã phát hiện ra nhiều mô hình lý thuyết quan trọng. Ví dụ thứ nhất là “cái nhìn sinh thái học - nhân văn” khi nghiên cứu về văn hóa Cồn Bàu, Bàu Dã, Bàu Tró, các di chỉ tiền Sa Huỳnh và Sa Huỳnh, ông chỉ ra các mối quan hệ văn hóa thời kỳ sơ kỳ kim khí ở Đông Dương, mà mô hình các bên chợ ven sông - ven biển là một hệ thống các mạng lưới đan xen nối sông với sông, nối sông với biển, và sông trở thành các vạch nối liền vùng núi với đồng bằng và vùng biển (xem hình dưới, Trần Quốc Vượng 1999: 345).



Từ cái nhìn địa - văn hóa, Trần Quốc Vượng nhìn vào lịch sử các châu thổ - như một kiến tạo của các dòng sông, cũng là nơi nảy nở và phát triển của văn hóa,

và giao lưu đa văn hóa. Tam giác châu thổ Bắc Bộ đã được xác lập với ba điểm/đỉnh tam giác đồng trục tuyến sông gồm Việt Trì - Cổ Loa/ Thăng Long - Phố Hiến. Tam giác châu dạng hình chóp nón với ba tam giác đồng trục ấy, từ kết quả của các nhà địa lý học, đã được khái quát thành ba vùng sinh thái nhân văn.



Hình 5: Mô hình địa - văn hóa châu thổ Bắc Bộ. Trần Quốc Vượng (1999: 53, 216).

Ngoài ra, cũng phải kể đến mô hình “tứ giác nước” mà Trần Quốc Vượng đề xuất khi nghiên cứu về các “hệ đường nước” ở Hoa Lư, Thăng Long, Huế, Sài Gòn. Ông cho rằng, các đường nước này cho phép xác nhận các đô thị là các “thành phố sông” hay “thành phố ngã ba sông” - số phận của các thành phố này đều dựa vào giao thông đường nước đồng thời là mạch máu kinh tế - chính trị - văn hóa kết nối liên vùng. Từ câu ca dao cổ “Nhị Hà quanh Bắc sang Đông, Kim Ngưu - Tô Lịch là sông bên này”, hay câu thành ngữ “hạ chí Âm Bồn, thượng chí Chùa Cầu” ông đã vẽ nên mô hình tứ giác nước nổi tiếng.



Hình 6: Mô hình tứ giác nước Thăng Long và Hội An. Trần Quốc Vượng (1999: 438-439).

Từ khía cạnh môi trường - sinh thái - nhân văn, ông xác định rằng, tuy các đô thị đều có hằng số đồng dạng là “trong thành ngoài thị/ chợ”, nhưng lại khác biệt nhau ở cái đặc điểm địa lý. Thăng Long và Huế đều là đô thị sông nội địa, Hoa Lư (thế kỷ X) là một kinh đô cửa biển (Đại An - Vọng Doanh) nằm trong bồn địa giữa núi, có tác dụng giao thương và phòng thủ, còn Hội An là một cảng thị - hay một đô thị ở cửa sông và ven biển. Hội An vừa là sản phẩm của sông, vừa là hệ quả của biển. Hội An vừa có phù sa sông với các hệ sinh thái cồn doi, vừa có các cồn từ Cẩm An đến Sơn Phố, xen kẽ các hói, các bàu (Bàu Ốc, Bàu Súng, Bàu Ấu, Bàu Sen, Bàu Sáu) với hệ sinh thái đầm phá nước lợ và nước mặn. Ông cho rằng, có



hai Hội An về mặt môi trường sinh thái, một Hội An với phức hệ sông, và một Hội An phức hệ còn bầu ven biển. Ông đề xuất, cần nhìn Hội An như một hệ cảng - thị với nhiều cảng sông/ biển và nhiều thị sông - biển. Các hệ cảng thị sông biển đó như một mô hình lý thuyết để soi chiếu vào các tầng lịch sử văn hóa của mảnh đất này. Trong đó, phải kể đến tầng văn hóa Sa Huỳnh (3000 năm TCN), tầng văn hóa Champa (từ thế kỷ I-II SCN đến thế kỷ XV), chen giữa là các tầng văn hóa giao thoa Sa Huỳnh - Champa - Hán cổ (thế kỷ I-V SCN), và tầng văn hóa Champa - Tống (thế kỷ XI-XVI). Ông kết luận, “Hội An, đó là sự hội thủy, hội nhân, và hội tụ văn hóa vô cùng đa dạng.” (tr. 447). Như một nhà địa lý học lịch sử, ông có khả năng xuyên thấu các địa hình văn hóa và các vùng đất, xuyên qua thời gian để phục dựng văn hóa.<sup>(51)</sup>

Sau Trần Quốc Vượng, nghiên cứu địa - văn hóa ở Việt Nam cũng đã được thực hiện có hệ thống ở nhiều khu vực khác nhau, đến mức có thể gọi những người đi theo hướng này là “trường phái Trần Quốc Vượng”. Trong phạm vi của bài này không nêu hết được. Song các nghiên cứu của Trần Quốc Vượng còn tích hợp “nhiều trong một” với hướng nghiên cứu khác, trong đó phải kể đến cái nhìn địa - kinh tế với quan điểm “Việt Nam cái nhìn từ biển” có niên đại 1993.<sup>(52)</sup>

#### **2.4. Địa lý học kinh tế**

Môn địa lý học kinh tế, với tư cách là một phân môn của địa lý học lịch sử và địa lý học nhân văn, quan tâm đến việc miêu tả, tái lập và giải thích các không gian địa lý - nơi mà những hoạt động kinh tế diễn ra, rồi tương tác và lan tỏa.<sup>(53)</sup> Thuật ngữ “địa lý học kinh tế” ít được sử dụng, nhưng nó được thể hiện qua các nghiên cứu về địa - kinh tế của các nhà sử học nghiên cứu về lịch sử Việt Nam. Có quá nhiều công trình đáng để nêu ra ở đây, song do hạn chế của người viết, chúng tôi chỉ nêu nghiên cứu nổi tiếng của Li Tana, và các xuất bản phẩm của nhóm thương mại biển của Đại học Quốc gia Hà Nội.

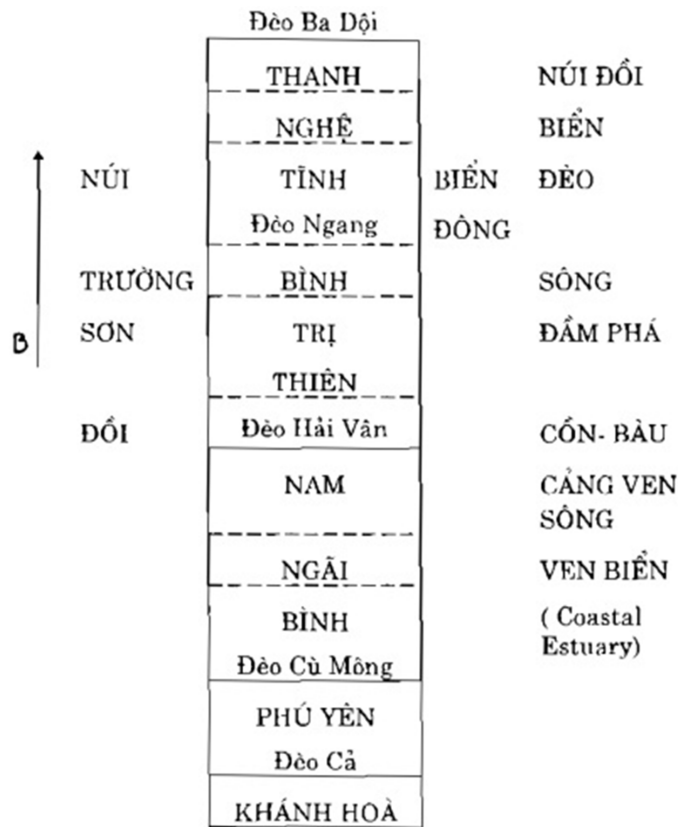
“Xứ Đàng Trong - lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18” của Li Tana là một công trình đầy ý vị với những xử lý số liệu thống kê thông minh và mới mẻ. Trong số 7 chương sách, bà đã dùng đến ba chương để viết về kinh tế Đàng Trong (gồm các thương gia nước ngoài - Chương 3, tiền tệ và thương mại - Chương 4 và hệ thống thuế của họ Nguyễn - Chương 5). Chương 1 được tác giả mở đầu bằng mô tả địa lý - địa hình với ba vùng tự nhiên: vùng Quảng Nam với đồng bằng sông Thu Bồn rộng 1.800 km<sup>2</sup>, vùng đồng bằng Bình Định thuộc lưu vực sông Đà Rằng và Lai Giang rộng 1.550 km<sup>2</sup>, và vùng đồng bằng ba thung lũng Nha Trang (lưu vực Sông Cái), thung lũng Phan Rang (lưu vực Sông Dinh) và thung lũng Phan Rí - Phan Thiết (lưu vực Sông Lũy và Sông Cái). Chương này đã tiến hành một nghiên cứu địa lý học dân số tuyệt vời về dân số Việt Nam từ thế



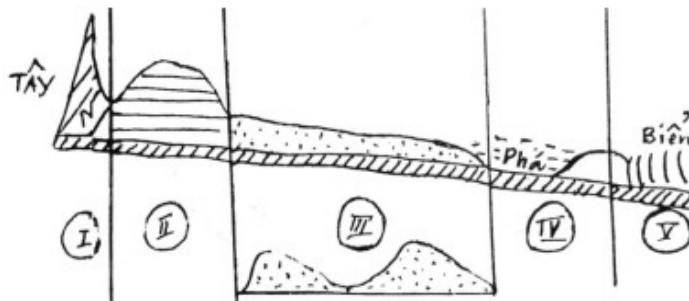
kỷ 16 đến 18. Tất cả các kết quả của chương 1 và chương 2 (lực lượng vũ trang ở Đàng Trong) là một sự chuẩn bị chu đáo cho ba chương về kinh tế và thương mại. Nghiên cứu này cho thấy, họ Nguyễn, trái với truyền thống khinh thương của Nho giáo, đã nhanh chóng hòa nhập vào mạng lưới hải thương quốc tế, biến mình thành một mắt xích quan trọng của con đường tơ lụa trên biển – là điểm kết nối giữa các truyền thống thương mại Đông Nam Á (Xiêm, Java,...) với Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản). Từ vị trí “một nhà nước di dân”, Đại Việt Đàng Trong đã nhanh chóng thích nghi với các yếu tố địa - văn hóa, địa - kinh tế, địa - chính trị của vùng đất mới để trở thành một nhà nước mậu dịch. Rồi cùng với sự mở rộng lãnh thổ về đồng bằng sông Cửu Long - một vựa lúa khổng lồ, việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất lúa gạo phục vụ ngoại thương, được coi là *“một biến dạng rất lớn của nền kinh tế cổ truyền Việt Nam. Nó đã trở thành động cơ thúc đẩy bước phát triển xa hơn nữa xuống phía Nam của người Việt Nam và tạo cơ hội đẩy trọng tâm kinh tế xuống phía Nam”*.<sup>(54)</sup> Một cách không hiển ngôn, Li Tana cho rằng, các chúa Nguyễn là một trong những nhân tố quan trọng nhất cho quá trình Nam tiến của người Việt từ Bắc vào Trung rồi đến Nam, hay nói cách khác họ là chủ thể quan trọng và cuối cùng tạo tác nên dáng hình chữ S của bản đồ lãnh thổ Việt Nam hiện tại.

Mặc dù không thấy trích dẫn Trần Quốc Vượng về các khảo tả địa lý, nhưng nghiên cứu của Li Tana rõ ràng là cùng một hướng với mô hình lý thuyết mà Trần Quốc Vượng đã đề xuất trước đó. Năm hằng số địa - văn hóa của miền Trung (gồm: núi - sông - đèo - biển - cảng thị cửa sông) đã được ông khái quát hóa thành “mô hình chữ nhật đứng” (tr. 346), các yếu tố địa văn hóa trở thành khuôn dạng cho các nghiên cứu về địa kinh tế và địa chính trị.

Mô hình tổng thể địa văn hóa theo trục Bắc - Nam, kết hợp với mô hình sinh thái Tây - Đông mà Trần Quốc Vượng đưa ra là một trong những đóng góp xuất sắc nhất của ông theo cái nhìn địa - văn hóa, địa - kinh tế. Chẳng dừng ở đó, ông còn lồng ghép cả cái nhìn sinh thái học nhân văn trong nhiều công trình khác của mình. Bộ ba địa lý - sinh thái - nhân văn đã được tác giả triển khai đầy hứng khởi và ý vị. Núi được mô tả như vùng địa - chính trị quân sự, nơi diễn ra nhiều cuộc giao tranh từ Lâm Ấp đến Trịnh Nguyễn. Các dòng sông/ dải núi chạy theo hướng tây đông được coi như ranh giới tự nhiên xếp chồng ranh giới hành chính/ khu vực. Đò ngang nối liền trục giao thông đường bộ Bắc Nam, còn đò dọc nối liền núi với biển, và kết nối một dọc duyên hải cả ngàn cây số. Còn biển và các vùng duyên hải là gạch nối siêu thời gian từ văn hóa Sa Huỳnh - Champa - Óc Eo đến Hội An - Thị Nại, đồng thời là chiếc cầu nối siêu không gian - kết nối các vùng văn hóa bản địa với nhau, kết nối Việt Nam đến các nền văn hóa lớn ở Bắc Á, rồi Đông Nam Á hải đảo, từ Thái Bình Dương qua Ấn Độ Dương và các không gian văn hóa biển khác.<sup>(56)</sup>



Hình 7: Mô hình tổng thể địa văn hóa theo trục Bắc - Nam của miền Trung. Trần Quốc Vượng (1999:315).

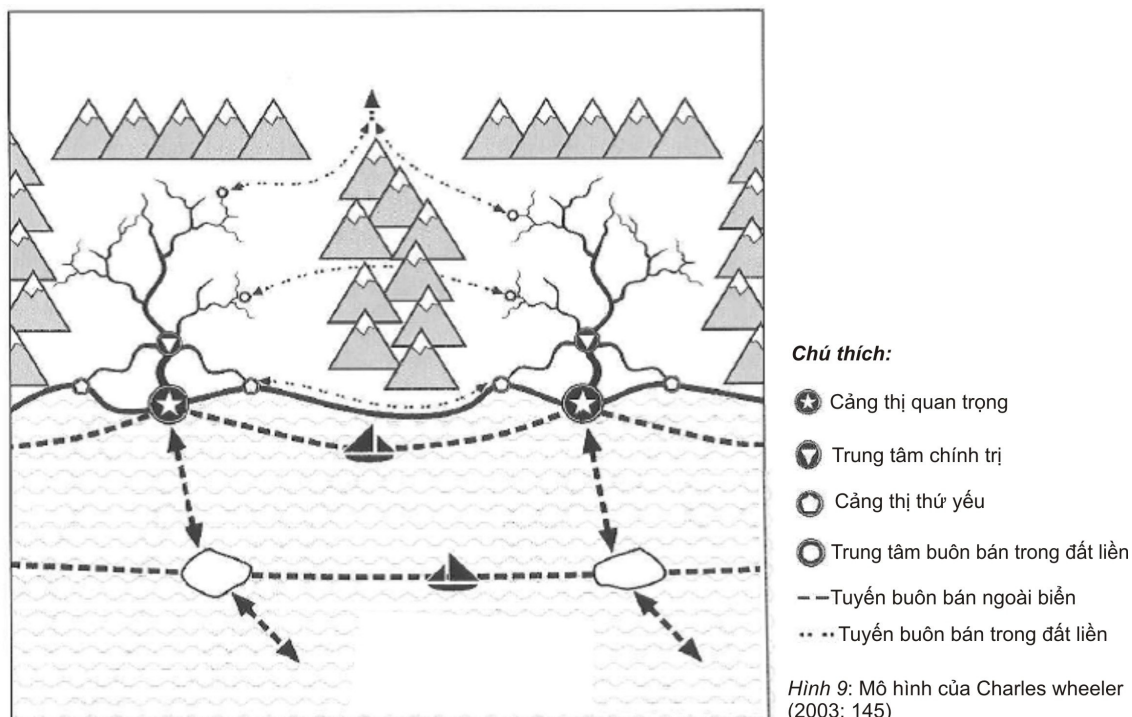


Hình 8: Sơ đồ sinh thái Tây - Đông của miền Trung của Trần Quốc Vượng (1996)<sup>(65)</sup>.

Chú thích: I. & II. Hệ sinh thái - nhân văn vùng núi đồi, III. Hệ sinh thái - nhân văn vùng đồng bằng - xen đèo cắt dọc, IV. Hệ sinh thái - nhân văn đầm phá, V. Hệ sinh thái - nhân văn vùng biển.

Ông cho rằng, núi - biển - sông - đèo chỉ là những lằn ranh địa lý mong manh, chia cắt thì cũng có chia cắt, nhưng kết nối thì nhiều hơn. Sự kết nối giữa biển và lục địa, giữa các vùng đã tạo nên một mạng lưới phức hợp đa chiều ở các khía cạnh lịch sử, văn hóa, kinh tế, tôn giáo, chính trị, ngoại giao... Đây rõ ràng là một nghiên cứu lý thuyết có giá trị, được đề xuất sớm vào những năm 1990 ở Việt

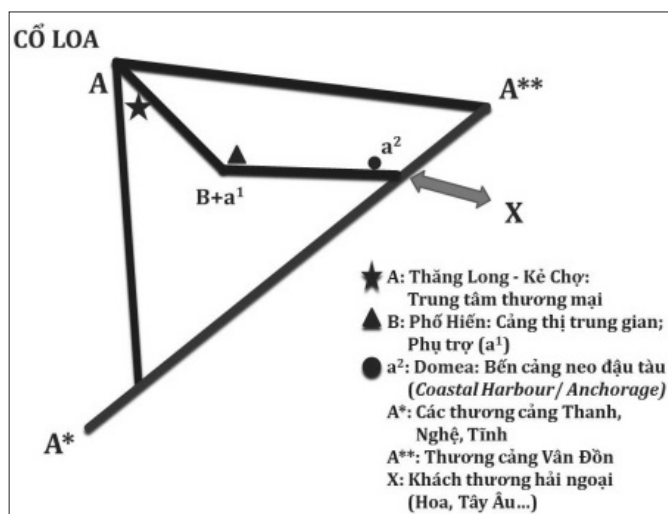
Nam. Theo như lời ông, mô hình là một “toàn cảnh cho hệ sinh thái nhân văn miền Trung và từng vùng của miền Trung”. Điều đáng nói là, đây là một nghiên cứu dựa trên kết quả điền dã thực tế, kết hợp giữa khảo cổ học, văn hóa học, sử học, văn học, folklore... Mô hình lý thuyết dường như độc lập với nghiên cứu của Bennet Bronson (1977), mà khả năng cao được gọi nguồn từ đặc điểm kinh tế - văn hóa bản địa: “ai về nhẩn với nậu nguồn, mặng le/ mít non gỏi xuống cá chuồn gỏi lên” (Ca dao miền Trung). Rõ ràng, Trần Quốc Vượng, từ cái nhìn địa văn hóa đã mở rộng đến phạm vi của địa - kinh tế.



Trong khi đó, cùng một hướng với ý tưởng của Trần Quốc Vượng, nhưng ở một không gian khảo sát khác, Bennet Bronson (1977) đã đề xuất mô hình Hệ thống trao đổi thương - hạ nguồn ven sông và ven biển khi nghiên cứu về Nam Á. Sau Bennet Bronson và Trần Quốc Vượng, các học giả khác trong - ngoài nước như, Kenneth R. Hall (1985),<sup>(57)</sup> Charles Wheeler (2001),<sup>(58)</sup> Pierre - Yves Manguin (2002),<sup>(59)</sup> William A. Southworth (2011),<sup>(60)</sup> Nguyễn Văn Kim (2002, 2015),<sup>(61)</sup> Hoàng Anh Tuấn (2007),<sup>(62)</sup> Đỗ Thùy Lan (2006, 2017),<sup>(63)</sup> Đỗ Trường Giang (2011)<sup>(64)</sup>... đã áp dụng thành công mô hình này cho nghiên cứu lịch sử kinh tế văn hóa Champa ở miền Trung Việt Nam, hệ thống trao đổi cửa biển Nghệ - Tĩnh, vùng cửa sông Đàng Ngoài và nhiều vùng khác ở Đông Nam Á và Việt Nam.

Mô hình của Charles Wheeler (hoàn thiện và tiếp nối từ các học giả đi trước) tạo nên một cái nhìn địa văn hóa, địa chính trị, địa kinh tế, địa tôn giáo. Đó đều là

những điều mà Trần Quốc Vượng đã phác thảo một cách sáng rõ trong nhiều bài viết của ông.



Hình 10: Sơ đồ hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài. Nguồn: Đỗ Thị Thùy Lan, 2015.<sup>(66)</sup>

Cho đến 2017, Đỗ Thị Thùy Lan đã thực hiện thêm một miếng ghép quan trọng cho bức tranh địa - văn hóa của Việt Nam qua trường hợp “Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII”. Cái nhìn từ biển nhìn nhận mạng lưới sông Đàng Ngoài như những mạch máu chính yếu kết nối vùng châu thổ Bắc Bộ với nền hải thương sôi động. Nghiên cứu này cho thấy, ngoài ba hàng số

nông dân - nông nghiệp - nông thôn, lịch sử Việt Nam “không còn chỉ được nhìn nhận như là một quốc gia Đông Nam Á lục địa thuần túy, với các thể chế chính trị nông nghiệp đồng bằng nội địa, mà cũng đã biến đổi trùng khớp, hòa điệu với hải thương khu vực, theo gió mùa và các luồng hải lưu ngoài viễn dương.”<sup>(65)</sup>

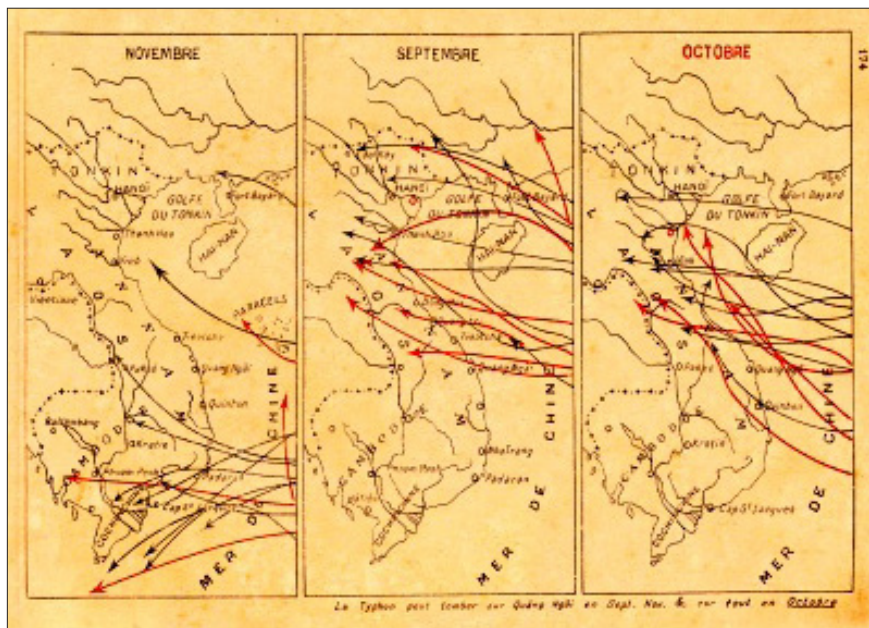
Đây rõ ràng là một nghiên cứu đa trị, vừa kết hợp nghiên cứu thương mại với các quan điểm địa lý, sinh thái, nhân văn. Đó là một lịch sử Việt Nam được nhìn từ ba điểm địa lý quan yếu: đồng bằng - sông - và biển. Chỉ còn mảng trống cuối cùng là mạng lưới trao đổi thương nguồn, từ Thăng Long - Hà Nội tiến lên Việt Trì ngược Sông Hồng mà lên các tỉnh phía Bắc, xuyên qua biên giới để đi vào kết nối với đại lục rộng lớn của người Tày - Thái - Di, và nếu xuyên qua thời gian còn là mối liên hệ địa - chính trị văn hóa với các quốc gia cổ như Đại Lý, Miến Điện chẳng hạn.<sup>(67)</sup> Nhưng công việc còn chờ ở phía trước.

### 2.5. Địa lý học khu vực

Địa lý học khu vực (regional geography) nghiên cứu các đối tượng không gian địa lý cụ thể, trong đó nhấn mạnh vào khía cạnh địa lý nhân văn.<sup>(68)</sup> Chữ “khu vực” có thể hiểu theo ba nghĩa: thứ nhất trở các vùng địa lý rộng hơn phạm vi quốc gia và mối quan hệ liên khu vực, thứ hai trở các vùng miền địa lý nằm trong lãnh thổ của quốc gia (nhưng cũng không hoàn toàn dựa vào địa giới hành chính, mà chủ yếu dựa trên đặc điểm tự nhiên, ví dụ như miền Bắc, đồng bằng Sông Hồng, vùng đất Nam Bộ, xứ Đoài,...), thứ ba là trở các vùng địa lý hành chính (chủ yếu theo cấp tỉnh, thành phố, huyện,...). Hướng nghiên cứu thứ nhất đã được một số



học giả Pháp nghiên cứu về khu vực Đông Dương.<sup>(69)</sup> Trong nửa đầu thế kỷ XX, 23 cuốn chuyên luận về địa lý học các tỉnh Nam Kỳ (như Biên Hòa, Hà Tiên, Gia Định, Mỹ Tho, Bà Rịa, Châu Đốc, Bến Tre, Sa Đéc, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long Xuyên, Vĩnh Long, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Long Xuyên, Bạc Liêu, Gò Công) đã được biên soạn. Các tập sách này được soạn thống nhất theo một khuôn mẫu, khảo tả nhiều phương diện khác nhau của các khu vực hành chính như tự nhiên, xã hội, kinh tế, lịch sử, địa lý, địa hình, sông ngòi, giao thông, dân số, di tích, tín ngưỡng,...<sup>(70)</sup> Ngành này lấy không gian địa lý làm đối tượng, nên nó thường bao quát mọi vấn đề về chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế của mẫu khảo sát.



Hình 11: Bản đồ gió tỉnh Quảng Ngãi, (Nam phong 1933: 174).

Địa lý học khu vực có thể thực hiện nhờ những ghi chép từ sử ký quan phương, đặc biệt các thống chí quốc gia như *Dur địa chí*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*... Song, nhóm tư liệu quan trọng không kém là các địa phương chí như *Gia Định thành thông chí*, *Nghệ An chí*, *Phủ Biên tạp lục*, *Ô Châu cận lục*, *Ninh Bình tỉnh chí*,...<sup>(71)</sup> Đến đầu thế kỷ XX, cuốn tỉnh chí được biên soạn trên cơ sở truyền thống “phương chí” và kỹ thuật phương Tây đã được thực hiện, đó là cuốn “Quảng Ngãi tỉnh chí” (1933).<sup>(72)</sup> Trong lời mở đầu, các soạn giả ghi rằng: “chúng tôi xin kê cứu trong lịch sử và địa dư có biên chép về tỉnh Quảng Ngãi để chứng sự dĩ vãng; kê cứu các biểu thống kê của các quan Thương chánh cùng sổ kê khai của các phủ huyện và phỏng sát trong dân gian, lược biên ra thành tập, đặt tên là *Quảng Ngãi tỉnh chí*. Trong tập này chia làm ba mục: hình thế, chính trị, kinh tế.” Tập tỉnh chí này sau khi dâng vua Bảo Đại ngự lãm, đã được đăng tải toàn văn nhiều kỳ trên *Nam phong*. Điều đáng nói ở đây là lời ghi chép và thu thập



thông tin có sự ảnh hưởng sâu sắc của khoa học kỹ thuật phương Tây. Các tác giả có đo đạc các luồng gió, vẽ bản đồ gió trong các tháng trong năm. Mục đích biên soạn của sách này là để giúp cho việc học địa dư trong nước, vì các tác giả cho rằng “muốn cho biết tương lai trong hạt cần phải xét dĩ vãng và hiện tại”. Có thể nói, *Quảng Ngãi tỉnh chí* là một tác phẩm địa lý chính trị, địa lý kinh tế.

Ngoài *Quảng Ngãi tỉnh chí*, có thể tìm thấy hàng loạt các tác phẩm “tỉnh chí” soạn theo lối kết hợp địa chí học phương Đông và địa lý học phương Tây, như *Son Tây tỉnh địa chí* của Kiêm học Phạm Xuân Độ (1941). Sách nêu rõ ba nguồn tham khảo, gồm 11 sách địa chí chữ Nho, 3 sách chữ Pháp,<sup>(73)</sup> và 5 sách Quốc ngữ. Sách có bốn chương, viết về danh xưng, duyên cách, thành trì, vị trí, diện tích, cương giới (Chương 1. Tổng thuyết), địa chất, địa thế, khí hậu, gò núi, sông ngòi (Chương 2. Tự nhiên địa lý), nhân khẩu, vật sản, thương mại, giao thông (Chương 3. Nhân văn địa lý), việc cai trị, thị xã, các phủ huyện (Chương 4. Địa phương chí). Kết cấu cuốn sách cho thấy tác giả đã sử dụng một cách nhuần nhuyễn cách viết luận văn khoa học của Pháp.

Trước đó, vào năm 1924, tác phẩm “Xứ Bắc Kỳ ngày nay” của Thống sứ Henri Cucherousset là một phác thảo về địa lý khu vực Bắc Kỳ.<sup>(74)</sup> Cuốn sách, tuy không phải là một nghiên cứu chuyên nghiệp, mà là sách giáo khoa về giáo dục quốc dân (lectures Tonkinoises), song cũng đưa ra những nét tổng quát về địa lý nhân văn của vùng Bắc Kỳ (để làm rõ vai trò của công cuộc bảo hộ, khai hóa của Pháp). Các vấn đề được đưa ra trình bày chia làm hai mươi chương, gồm: việc cai trị của Pháp, đời sống quốc dân, vệ sinh phòng bệnh, học chính, chống lũ lụt, vận tải, hải cảng, kỹ nghệ, buôn bán, đồn điền, rừng, khai thác khoáng sản, miền núi, cải lương hương chính, hội đồng kỳ hào, các nhà bảo tàng - thư xã, và các nghệ thuật (diễn kịch, chụp ảnh và âm nhạc).

Cuốn chuyên luận đáng được nhắc đến nhất là “Les paysans du delta Tonkinois” (Người nông dân châu thổ Bắc Bộ) của Pierre Gourou.<sup>(75)</sup> Cấu trúc gồm ba phần: Phần 1: Môi trường vật chất, với các chương địa hình (núi đồi, phù sa, tiến biển) của châu thổ; khí hậu (nhiệt độ, mưa), và chương ba về “nước” (mô tả hai hệ thống Sông Hồng và sông Thái Bình, cùng thủy triều), với các vấn đề thủy triều, thoát nước, đê điều, các vùng ven biển. Phần 2: Cư dân nông thôn, đề cập đến lịch sử di dân đến châu thổ Bắc Kỳ, mật độ dân số, sự thay đổi dân số, các làng mạc, nhà cửa (5 chương). Phần 3: Nghiên cứu về phương tiện sống (sinh kế) của nông dân đồng bằng Sông Hồng, với các vấn đề cụ thể của nông nghiệp (sở hữu ruộng đất, cây trồng, vật nuôi đánh cá), nền công nghiệp làng xã (dệt, thực phẩm, đan lát, gỗ,...), vấn đề giao thương (chợ, buôn bán nhỏ). Một nghiên cứu chi tiết với hàng ngàn số liệu được đưa ra. Cuốn sách ngay lập tức trong năm ấy được đánh giá là một nghiên cứu xuất sắc của địa lý nhân văn.<sup>(76)</sup> Đến nay, sau hơn 80 năm, chuyên

luận đã trở thành một nghiên cứu địa lý học lịch sử! Nó cho thấy một lát cắt “đồng đại” của địa lý khu vực đồng bằng Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XX.

Năm 1997, Đỗ Đức Hùng công bố chuyên luận “Vấn đề trị thủy ở đồng bằng Bắc Bộ dưới thời Nguyễn”. Mặc dù tài liệu tham khảo không thấy nghiên cứu của Pierre Gourou, nhưng có thể thấy đây là một nghiên cứu bổ sung xác đáng cho một đặc thù địa lý nhân văn của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Nghiên cứu kết hợp các thành quả của khoa học tự nhiên (địa lý, địa mạo, thủy văn, thổ nhưỡng, quá trình bồi lấp,...) với nghiên cứu lịch sử xã hội, chính vì thế đây có thể coi là một nghiên cứu địa lý học lịch sử điển hình. Từ quan điểm sinh thái học nhân văn, tác giả cho rằng: “*những biểu thị về môi trường xung quanh, về sự tác động lẫn nhau giữa thiên nhiên và xã hội là một hợp lực quan trọng của những truyền thống văn hóa của mỗi cộng đồng cư dân, của mỗi dân tộc*”.<sup>(77)</sup> Tác giả bắt đầu chuyên luận bằng việc nghiên cứu diễn biến hệ địa sinh thái và vấn đề trị thủy ở đồng bằng Bắc Bộ; trong đó ông tiến hành khảo tả các đặc điểm địa lý, khí hậu, sinh thái - những yếu tố tự nhiên quan trọng và đặc thù đã quy hạn đời sống của con người cư trú. Tác giả đã phân tích lược sử kiến tạo đồng bằng Sông Hồng, quá trình biến đổi của sông ngòi, quá trình bồi tụ, khai hoang, đặc biệt đề điều và hệ thống quản lý xây dựng đề điều là hệ quả của mối tương hỗ giữa con người với tự nhiên. Trong khi các dòng sông cuốn con người theo các dòng chảy phù sa của nó; thì ngược lại con người đã đắp đê ngăn đập với hệ thống thủy lợi tưới tiêu đã tác động trở lại các dòng sông. Có thể nói, công trình này là một nghiên cứu địa lý nhân văn bao gồm cả địa lý khu vực, địa lý kinh tế. Xét ở phương diện nhất định, đề điều là một biểu hiện đặc định của địa lý nhân văn Bắc Bộ, nó là một mẫu khảo sát thú vị cho các nghiên cứu về lịch sử kinh tế, lịch sử nông dân, lịch sử làng xã, và lịch sử đô thị. Hướng nghiên cứu địa lý học lịch sử này về sau còn được triển khai theo một hướng thú vị nữa: lịch sử ngoại thương qua hệ thống cảng thị sông Đàng Ngoài.<sup>(78)</sup>

Nghiên cứu địa lý học khu vực từ góc độ sử học còn được tích hợp trong nhiều công trình khác,<sup>(79)</sup> ở đây chúng tôi không thể nêu hết được. Có thể liệt kê ngay ở đây hàng chục cuốn địa lý học khu vực của các tỉnh thành được biên soạn trong vài chục năm trở lại đây như *Địa chí tỉnh Vĩnh Phú* (1974, 184 tr), *Địa chí Hà Bắc* (1982, 739 tr), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh* (1988, 2 tập, 559 tr), *Địa chí Hải Phòng* (1990, 248 tr), *Địa chí tỉnh Sông Bé* (1991, 660 tr), *Địa chí Đồng Tháp Mười* (1996, 451 tr), *Địa chí Hà Tây* (1999, 420 tr; tb 2008, 895 tr), *Địa chí Lạng Sơn* (1999, 888 tr), *Địa chí Cao Bằng* (2000, 907 tr), *Địa chí Đồng Nai* (2001, 5 tập, 2000 tr), *Địa chí Bắc Giang - Từ điển* (2002, 912 tr.), *Địa chí tỉnh Quảng Ninh* (2003, 3 tập, 1500 tr), *Địa chí Bắc Giang - di sản Hán Nôm* (2003, 1153 tr), *Địa chí Phú Yên* (2003, 1092 tr), *Địa chí Thanh Hóa* (2004, 4 tập, 1141 tr), *Địa chí Thừa Thiên Huế* (5 tập, gồm: Tự nhiên, Lịch sử [2005], Dân cư

và Hành chính [2013], Kinh tế [2014] và Văn hóa [đang in]), *Địa chí Hòa Bình* (2005), *Địa chí Bình Định* (2005, 454 tr), *Địa chí Hà Nam* (2005, 1278 tr), *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu* (2005, 1127 tr), *Địa chí Bắc Giang* (2006, tập 1: Địa lý và kinh tế, 720 tr; tập 2: Lịch sử và văn hóa, 771 tr), *Địa chí Thăng Long - Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm* (2007, 1169 tr), *Địa chí các xã tỉnh Cao Bằng* (2008, 595 tr), *Địa chí Đà Lạt* (2009, 373 tr), *Địa chí Bình Thuận* (2006, 1242 tr), *Địa chí Thái Bình* (2010, 1475 tr), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng* (2010, 1845 tr), *Từ điển địa chí Bạc Liêu* (2010, 1007 tr), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình* (2012, 1115 tr), *Địa chí Vĩnh Phúc* (2012, 1155 tr), *Địa chí thành phố Hải Dương* (2013, 2 tập), *Địa chí Đắk Lắk* (2015), *Địa chí Tuyên Quang* (2014), *Địa chí hành chính các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc* (tb 2017, 679 tr), *Địa chí Vĩnh Long* (2017, tập 1: 751 tr, tập 2: 767 tr),... và một số địa chí cấp huyện cấp xã cấp làng như *Địa chí Đông Anh* (2016, 1535 tr), *Địa chí huyện Hà Trung* (2005, 911 tr), *Địa chí văn hóa Quỳnh Lưu* (1998, 870 tr), *Địa chí Cổ Loa* (2010, 831 tr), *Địa chí vùng Tây Hồ* (2017, 1099 tr),... Danh sách trên là chưa đầy đủ, song phần nào cũng cho thấy việc biên soạn địa chí – tức những công trình nghiên cứu địa lý học khu vực – đã và đang được thực hiện ở nhiều địa phương, hứa hẹn nhiều thành tựu mới trong tương lai.

\*  
\*      \*

Địa lý học lịch sử, như đã trình bày, là một khoa học liên ngành và đa ngành, nó không tồn tại một cách độc lập, tách biệt, mà ở trong thế tương liên, tương hỗ với nhiều ngành khoa học khác. Địa lý học lịch sử ở Việt Nam, từ cội nguồn của truyền thống chép sử Đông Á qua các nghiên cứu thời Pháp thuộc cho đến nay, đã trải qua nhiều chặng đường khác nhau, với những thành tựu và nhiều hướng tiếp cận còn hứa hẹn ở phía trước. Mặt khác địa lý học lịch sử còn một số phân ngành chưa được lược thuật ở đây, trong đó phải kể đến địa lý học tộc người, địa lý học ngôn ngữ, địa lý học dân số, địa lý học bệnh lý,... Bài tổng thuật này chỉ là góc nhìn hạn hẹp của người viết về những vấn đề quá rộng lớn và phức tạp. Song vì yêu mến, ngưỡng mộ và biết ơn những nhà địa lý học lịch sử tiền bối, chúng tôi cố gắng phác thảo vài nét vẽ vụng về, nhiều khi hơi rối rắm, dẫu biết rằng tri thức thì mệnh mỏng còn mình thì hữu hạn. Nếu có vấn đề gì còn cần tiếp tục trao đổi, thậm chí là những nhận thức sai lầm, rất mong được các học giả và bạn đọc chỉ chính.<sup>(\*)</sup>

**TTD**

Ngày 25/10/2017

Viết tại thượng nguồn Nhuệ Giang, Từ Liêm cổ huyện

---

\* Bài viết thuộc đề tài “Khảo cứu tư liệu Hán Nôm về các cửa biển Việt Nam trong lịch sử”, và được tài trợ một phần bởi Omegabook. TTD.

## CHÚ THÍCH

- (1) Clark, Andrew H. (chairman) (1952), *Historical Geography*, National Academy of Science - National Research Council, Washington D.C, p.1.
- (2) Leila Jalali, Farshad Sameni Keivani, "An Investigation of Historical Geography", *Journal of Humanities and Social Science*, Volume 17, Issue 2 (Nov. - Dec. 2013), p.26.
- (3) Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời - Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội, p.3.
- (4) H. B. Geogre (1901), *The Relations of Geography and History*, Oxford University Press, Oxford.
- (5) Alan R. H. Baker (2012), *Geography and History: Bridging the Divide*, Cambridge University Press, p.xi.
- (6) Về sử liệu văn hiến xin xem Trần Trọng Dương & Trịnh Khắc Mạnh, "Cơ cấu phân ngành Hán Nôm: nhìn từ lý thuyết văn hiến học". Trong "Cấu trúc vĩ mô (cấu trúc bảng từ) Bách khoa thư chuyên ngành Ngôn ngữ - Hán Nôm" (Nguyễn Minh Thuyết chủ biên). Đề án biên soạn *Bách khoa toàn thư Việt Nam*, VASS, 2017.
- (7) Clark, Andrew H. (chairman) (1952), *Historical Geography*, National Academy of Science - National Research Council, Washington D.C, p.1.
- (8) Alan R. H. Baker (1982), Mark Billinge, *Period and Place- Research Methods in Historical Geography*, Cambridge University Press, Cambridge - New York - Melbourne- Sydney.
- (9) Butlin, R.A., *Historical Geography: Through the Gates of Space and Time*, A. Arnord, New York.
- (10) Derek Gregory and others (ed.) (2009), *The Dictionary of Human Geography*, (5th edition), Blackwell Publishing, Singapore, p.332.
- (11) Ở Việt Nam thường dịch là "địa lý nhân văn". Xem Nguyễn Ngọc Tuấn (2003), *Từ điển thuật ngữ địa lý nhân văn*, Trung tâm Nghiên cứu Địa lý Nhân văn, Khoa học xã hội, Hà Nội. Theo chúng tôi, "địa lý nhân văn" chỉ là đối tượng nghiên cứu, chứ không phải là tên của chuyên ngành khoa học này. Ở bài này, chúng tôi thống nhất dùng là "địa lý học nhân văn", tương ứng như cách dịch "sinh thái học nhân văn" (human ecology). "Địa lý học nhân văn" là từ chỉ chuyên ngành khoa học, còn "địa lý nhân văn" là chỉ đối tượng nghiên cứu của khoa học này, giống như "lịch sử học"/ "sử học" là từ chỉ khoa học nghiên cứu về lịch sử, còn "lịch sử" là chỉ đối tượng nghiên cứu.
- (12) Ví dụ xem: Nguyễn Song Tùng & Trần Ngọc Ngoạn (cb.) (2014), *Phát triển kinh tế xanh trong nông nghiệp Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb KHXH, Hà Nội.
- (13) Derek Gregory and others (ed.) (2009), "The Dictionary of Human Geography", (5th edition), Blackwell Publishing, Singapore, p. 332. Ron Johnson, *Human Geography*, Encyclopaedia Britannica; link: <https://www.britannica.com/science/geography/Human-geography#ref405947>.
- (14) Thongchai Winichakul (1994), *Siam Mapped: A History of a Geo-Body of a Nation*, University of Hawaii Press, Honolulu.
- (15) Anderson, Benedict, *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*, Verso, London - New York, 1983/2006.
- (16) George Adam Smith (1901), *The Historical Geography of the Holy Land - Especially in Relation to the History of Israel and of the Early Church*, A. C. Armstrong and Son, New York.
- (17) Chúng tôi gọi hiện tượng áp dụng thế giới quan Phật giáo vào xây dựng công trình kiến trúc là "thế giới quan - kiến trúc học", và hiện tượng áp dụng mô hình mandala (tiểu thế giới) cho



- việc đặt định kiến trúc vào không gian địa lý cảnh quan là “thế giới quan - địa lý học Phật giáo”. [Trần Trọng Dương (2013), *Kiến trúc một cột thời Lý - Mandala Phật giáo*, Thế giới, Hà Nội, tb.2017].
- (18) Vì dung lượng bài viết có hạn, nên các chuyên ngành khác xin xem: Derek Gregory and others (ed.) (2009), *The Dictionary of Human Geography*, (5th edition), Blackwell Publishing, Singapore, 1071 p. Economic geography: p. 178-181; Cultural geography: p. 129-133, Social geography: p. 692-694; Political geography: p. 549-551; Linguistic geography: p.411; Disability geography: p.13.
- (19) Christopher R. Scotese, *Paleogeography*, Encyclopedia Britannica, link: <https://www.britannica.com/science/paleogeography>.
- (20) Derek Gregory and others (ed.) (2009), *The Dictionary of Human Geography*, (5th edition), Blackwell Publishing, Singapore, 348-349.
- (21) Vũ Quang Mạnh (cb) (2011), Hoàng Duy Chúc, *Môi trường và con người: Sinh thái học nhân văn*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- (22) William Balée (1998), “Historical Ecology: Premises and Postulates”, (chapter 1), In: Balée W, ed, *Advances in Historical Ecology*, Columbia University Press, New York, pp. 13-29.  
Erin Beller and others, “Toward principles of historical ecology”, *American Journal of Botany*, May 17, 2017, 1-4.  
Matthias Burgi - Urs Gimmi, “Three objectives of historical ecology: the case of litter collecting in Central European forests”, *Landscape Ecol* (2007) 22: 77-87.
- (23) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb VH TT, Hà Nội, 1964/2005 (tái bản), tr. 110; Trần Quốc Vương, “Về quê hương Ngô Quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 101, 8/1967, tr. 60-62. Trần Ngọc Vương, Nguyễn Tô Lan, Trần Trọng Dương, “Đường Lâm là Đường Lâm nào (Tìm về quê hương Đại sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu)”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 2/2011, tr.115-137.
- (24) Phạm Hoàng Quân (2016), “Tập bản đồ hàng hải 1841 ở Thư viện Đại học Yale” (dịch và chú giải). Trong *Nghiên cứu về những ghi chép trong sử liệu Trung Hoa liên quan đến địa danh ven bờ*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (25) Lê Trung Hoa, *Địa danh học Việt Nam*, Nxb KHXH, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (26) 《重刊宋本十三經注疏附校勘記》 / 重刊宋本孟子注疏附校勘記 / 萬章章句上 / 孟子注疏解經卷第九上.清嘉慶二十年 (1815) 南昌府學刊本, p. 164-2.
- (27) Kelley, L.C., “From a Reliant Land to a Kingdom in Asia: Premodern Geographic Knowledge and the Emergence of the Geo-Body in Late Imperial Vietnam,” *Cross-Currents: East Asian History and Culture Review* 5.2 (2016): 460-496.
- (28) Whitmore, John K. “Cartography in Vietnam.” In: *The History of Cartography*, Volume 2, Book 2: “Cartography in the Traditional East and Southeast Asian Societies”, 2: 478-508. The History of Cartography Series. Illinois: University of Chicago Press, 1994, p.507.
- (29) Trần Trọng Dương, “Bản đồ và tri tạo kiến văn địa lý ở Việt Nam thời Trung đại: qua mẫu hình nhà Nho hành đạo Nguyễn Huy Quỳ”, *Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển*, số 04 (138).2017, tr. 65-86.
- (30) Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời - Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội, p.6-11.



- (31) Tạ Chí Đại Trường, *Sử Việt đọc vài quyển*, Văn mới, USA, tr. 17-45.  
[日]海野一隆著:《地图的文化史》(Cultural History of Maps). 北京:新星出版社, 2005.
- (32) Momoki Shiro (2010), "Nation and Geo-Body in Early Modern Vietnam: A Preliminary Study through Sources of Geomancy". In: *Southeast Asia in the Fifteenth Century: The China Factor*. Edited by G. Wade & L. Sun. Singapore: National University of Singapore Press, p. 126-153.
- (33) Harold E. Meinhiert, "Unveiling Vietnam: The Maps of Alexandre de Rhodes" (The Portolan, Spring 2006); Harold E. Meinhiert, "The Bishop's Map: Vietnamese and Western Cartography Converge" (The Portolan, Winter 2016), 28-40.
- (34) Derek Gregory and others (ed.) (2009), *The Dictionary of Human Geography*, (5th edition), Blackwell Publishing, Singapore, 549.
- (35) Hoàng Thái Xuyên (1910). "Gương sử Nam", Nhà in Dupour, Hà Nội & NG. Văn Vĩnh. Hoàng Cao Khải (1910), *En Annam*, Traduit de l'Annam par Jules Roux, Imprimerie Express, Hanoi.
- (36) Henri Maspéro, "Études d'histoire d'Annam", *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO)*, Année 1918, Volume 18, Numéro 1, pp. 1-36.
- (37) Henri Maspéro, "Le protectorat général d'Annam sous les Tang", in *BEFEO* 10, 1910, pp.539-551, pp. 665-682.
- (38) Leonard Arousseau, "La première conquête Chinoise des pays Annamite", *BEFEO*, 23, 1923: 10-263.
- (39) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, sđd, tr. 3.
- (40) Nguyễn Đình Đầu (2014), *Chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông & Hoàng Sa - Trường Sa*. Trong "Đặc khảo Hoàng Sa - Trường Sa" - Tạp chí *Xưa & Nay*, số 449 tháng 7/ 2014, tr. 18-24.
- (41) Phạm Hoàng Quân (2014), *Hoàng Sa - Trường Sa: nghiên cứu từ sử liệu Trung Quốc*, Nxb Văn hóa Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (42) Trần Đức Anh Sơn (chủ biên) (2014), *Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- (43) Lâm Thị Mỹ Dung (cb) (2017), *Khảo cổ học biển đảo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- (44) Alain Forest (1989), *Les frontières du Vietnam: Histoire des frontières de la Péninsule Indochinoise*, Collection Recherches Asiatiques, dirigée par Alain Forest, L'Harmattan, Paris.
- (45) Nguyen The Anh, "La frontière sino-vietnamienne du XI<sup>e</sup> au XVII<sup>e</sup> siècle"; "La frontière sino-vietnamienne du début du XIX<sup>e</sup> siècle à 1874"; "Le Nam tiến dans les textes vietnamiens"; "Établissement par le Vietnam de sa frontière dans les confins occidentaux", *Les frontières du Vietnam. Histoire des frontières de la Péninsule Indochinoise*, P.-B. LAFONT éd, L'Harmattan, Paris, 1989, pp. 65-69, 81-84, 121-127, 185-193.
- (46) Lê Trung Dũng, *Quá trình hình thành đường biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia*, Nxb KHXH, Hà Nội, 615p.
- (47) Derek Gregory and others (ed.) (2009), *The Dictionary of Human Geography*, sđd, tr. 129.
- (48) George F. Carter (1968), *Man and the Land - A Cultural Geography* (in lần 2), USA.
- (49) Trần Ngọc Thêm, "Nhận diện văn hóa học", Nguồn: <http://vanhoahoc.net>, ngày đăng: Saturday, 01 March 2008 16:22.
- (50) Trần Quốc Vượng (1999), *Việt Nam: cái nhìn địa - văn hóa*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 495 tr.

- (51) Tống Trung Tín (2016), “Lần theo một vài sơ đồ nghiên cứu của Giáo sư Trần Quốc Vượng”. Trong *Còn là Tinh Anh - cống hiến của Giáo sư Trần Quốc Vượng cho Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 295.
- (52) Trần Quốc Vượng, “Mấy nét khái quát cổ xưa về cái nhìn về biển của người Việt”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 1/1993.
- (53) Derek Gregory and others (ed.), *The Dictionary of Human Geography*, sđd, Economic geography: p. 178-181.
- (54) Li Tana (1998), *Nguyễn Cochinchina: Southern Vietnam in the Seventeenth and Eighteenth Centuries*, Cornell University, New York, p. 158; *Xứ Đàng Trong - Lịch sử kinh tế, xã hội Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 218.
- (55) Trần Quốc Vượng (2002), “Về Miền Trung (Mấy nét khái quát về Nhân học Văn hóa)”, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 5 năm nghiên cứu và đào tạo của bộ môn Khảo cổ học (1995-2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- (56) Trần Quốc Vượng, “Việt Nam: cái nhìn địa - văn hóa”, sđd, tr. 310-319.
- (57) Kenneth R. Hall, *Maritime Trade and State Development*, pp. 190-193, 323; Kenneth R. Hall: “Economic History of Early Southeast Asia”, in Nicholas Tarling (ed.): *The Cambridge History of Southeast Asia, Volume One: From Early Times to c. 1500*, Cambridge University Press, Cambridge, 1999, pp. 252-259 (“Champa’s Plunderbased Political-Economy”).
- (58) Charles Wheeler: “Cross-Cultural Trade and Trans-Regional Networks in the Port of Hoi An: Maritime Vietnam in the Early Modern Era”, PhD. Dissertation, Yale University, 2001; “A Maritime Logic to Vietnamese History? Littoral Society in Hoi An Trading World c.1550-1830”, “Re-thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in the Integration of Thuận-Quảng, Seventeenth-Eighteenth Centuries”, “One Region, Two Histories: Cham Precedents in the History of Hoi An Region”, “Maritime Subversions and Socio-Political Formations in Vietnamese History: A Look from the Marginal Center (mien Trung)”, in Michael Arthur Aung-Thwin & Kenneth R. Hall: *New Perspectives on the History and Historiography of Southeast Asia*, pp. 141-156.
- (59) Pierre-Yves Manguin: “Southeast Sumatra in Protohistoric and Srivijaya Times: Upstream - Downstream Relations and the Settlement of Peneplain”, in Dominik Bonatz, John Miksic, J. David Neidel (eds.): *From Distant Tales: Archaeology and Ethnohistory in the Highlands of Sumatra*, Cambridge Scholars Publishing, Newcastle, 2009, pp. 434-484.
- (60) William A. Southworth: “River Settlements and Coastal Trade: Towards a Specific Model of Early State Development in Champa”, in Trần Kỳ Phương, Bruce M. Lockhart (eds.): *The Cham of Vietnam History, Society and Art*, NUS Press, Singapore, 2011, Chapter 4, pp. 102-119.
- (61) Nguyễn Văn Kim (2002), “Hệ thống buôn bán ở Biển Đông thế kỷ XVI-XVII và vị trí của một số thương cảng Việt Nam (Một cái nhìn từ điều kiện Địa - Nhân văn)”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (321), 2002, tr.45-52. Nguyễn Văn Kim (2013), “Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 12 (440), 2012, tr.1-18 & số 1 (441), 2013, tr.16-25. Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Mạnh Dũng (cb) (2015), *Việt Nam - Truyền thống kinh tế - văn hoá biển*, Nxb Chính trị Quốc gia, 575 tr.
- (62) Hoang Anh Tuan (2007), *Silk for Silver: Dutch-Vietnamese Relations 1637-1700*, Brill, Leiden-Boston.

- (63) Đỗ Thị Thùy Lan (2006), “Vùng cửa sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII: Vị trí cửa sông và cảng Domea”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* (367, 368), tr. 19-29 & 19-30.  
Đỗ Thị Thùy Lan (2017), *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- (64) Đỗ Trường Giang (2011), “Biển với lục địa - Thương cảng Thị Nại (Champa) trong hệ thống thương mại Đông Á thế kỷ X-XV”. Trong *Người Việt với biển*, Nguyễn Văn Kim (chủ biên), Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 285-314.
- (65) Đỗ Thị Thùy Lan (2017), *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài*; sđd, tr. 348.
- (66) Đỗ Thị Thùy Lan (2016), “Mạng lưới trao đổi ven sông và sự gọi mở của Giáo sư Trần Quốc Vượng”, Trong *Còn là Tinh Anh - cống hiến của Giáo sư Trần Quốc Vượng cho Khoa học Xã hội và Nhân văn*, sđd, tr.123.
- (67) Thực ra ý tưởng này đã từng được đề xuất bởi Trần Quốc Vượng, với các hiện vật đá - ngọc tại Trảng Kênh (Kinh Môn, Hải Dương), ông cho rằng đã có giao lưu từ thượng lưu Irrawaddy (Myanmar) qua Vân Nam, xuống Sông Hồng, ra vịnh Bắc Bộ. [Trần Quốc Vượng, *Việt Nam: cái nhìn địa - văn hóa*, sđd, tr. 194-5.]. Và có thể tham khảo các nghiên cứu gần đây của giới học giả Trung Quốc, 彭适凡, 《中国南方考古与百越民族研究》, 北京: 科学出版社, 2008.
- (68) Derek Gregory and others (ed.), *The Dictionary of Human Geography*, sđd, 632. Lịch sử khái niệm “region” cũng đã rất phức tạp kể từ thế kỷ 18 trở về sau, khi thế giới trải qua các cuộc cách mạng công nghiệp, chiến tranh thế giới, đô thị hóa, chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa quốc gia dân tộc, toàn cầu hóa. Cụ thể xin xem tài liệu trên.
- (69) Riêng phần này cũng cần có phần tổng thuật riêng, bởi đây là những tác phẩm có số lượng lớn, có hệ thống và chiếm vị trí nền tảng cho nghiên cứu địa lý học lịch sử ở Việt Nam.
- (70) Cụ thể xin xem Nguyễn Thanh Lợi, “Sách địa chí ở Nam Bộ”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 04 (138).2017, tr.87-95.
- (71) Các bộ địa chí thời trung đại xin xem lời giới thiệu của Đào Duy Anh, (sđd, 1964) và Hoàng Văn Lâu trong *Đại Nam nhất thống chí* (Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây xuất bản, Hà Nội, 2005). Xem thêm Trịnh Khắc Mạnh, “Khảo sát tài liệu Hán Nôm về dư địa chí hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 03 (94).2009, tr.11-28.
- (72) Nguyễn Bá Trác (Tuần phủ tỉnh Quảng Ngãi), Ấn sát Nguyễn Đình Chi chủ trương, Khiếu Hữu Kiều (Hàn Lâm Viện tu soạn), Nguyễn Trân và Phan Đình Thi (Hàn Lâm Viện cung phụng) biên soạn, *Quảng Ngãi tỉnh chí*, Hoàng đế Bảo Đại ngự lãm. Trong *Nam phong tạp chí: Văn học - Khoa học tạp chí*, No181, Février 1933, và các số tiếp theo.
- (73) Gồm sách của Garnier (1886), *Au Tonkin 1883-1885*, Dick de Lonlay, Paris; Dương Quảng Hàm, *Indochine Francaise. Le Tonkin*; Pierre Gourou (1931), *Indochine Francaise - le Tonkin*, Exposition Coloniale Internationale, Paris.
- (74) Henri Cucherousset (1924), *Xứ Bắc Kỳ ngày nay*, Trần Văn Quang dịch ra quốc văn, L'Éveil Économique, Hanoi.
- (75) Pierre Gourou, *Les paysans du Delta tonkinois*, Paris: Les Éditions d'Art et d'Histoire, 1936, grand in-8°, 666 p., repr. *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ: nghiên cứu địa lý nhân văn*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.

- (76) Charles Robequain, "P. Gourou: Les Paysans du Delta tonkinois. Étude de géographie humaine", *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient*, Année 1936, Volume 36, Numéro 1, pp. 491-497.
- (77) Đỗ Đức Hùng (1997), *Vấn đề trị thủy ở đồng bằng Bắc Bộ dưới thời Nguyễn*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 9.
- (78) Đỗ Thị Thùy Lan (2017), *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: ...*, sđd.
- (79) Ví dụ: Trần Đức Cường (cb) (2014), *Lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ (Từ khởi thủy đến năm 1945)*, Nxb KHXH, Hà Nội.

## TÓM TẮT

Bài viết tổng thuật các thành tựu nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam trong hơn 100 năm khởi đầu từ các nghiên cứu của các học giả Pháp từ cuối thế kỷ XIX qua suốt thế kỷ XX đến nay. Trước tiên, bài viết giới thuyết về địa lý học lịch sử với tư cách là một phân môn của địa lý học nhân văn, so sánh các điểm giao thoa với các chuyên ngành khoa học gần gũi như sử học, sinh thái học nhân văn, và địa danh học lịch sử. Tiếp đến bài viết tổng thuật một số thành tựu cơ bản của ngành này theo các chuyên ngành địa lý học chính trị, địa lý học văn hóa, địa lý học kinh tế, địa lý học khu vực. Kết quả cho thấy, địa lý học lịch sử đã phát triển ở nhiều chuyên ngành khác nhau, góp phần đưa ra những chiều kích khác nhau về nhận thức địa lý và lịch sử của Việt Nam trong quá khứ.

## ABSTRACT

### COMPREHENSIVE SUMMARY OF 100 YEARS OF STUDYING HISTORICAL GEOGRAPHY OF VIETNAM

The article comprehensively summarizes achievements of historical geography of Vietnam for over 100 years starting with studies by French scholars from the late 19<sup>th</sup> century until now. Firstly, it introduces historical geography as a subsection of human geography, comparing its interferences with close scientific studies such as history, human ecology, and historical toponymy. Then, the article discusses some basic achievements of this branch of studies in the fields of political geography, cultural geography, economic geography and regional geography. The results show that historical geography has evolved in different studies, contributing to different dimensions of geographic and historical awareness of Vietnam in the past.